

TIẾNG THƠ

(In theo bản của NXB Văn nghệ - 1954)

TIẾNG THƠ

“Tiếng thơ”... Tiếng thơ hay là tiếng đời? Tiếng của kháng chiến, tiếng của sự sống. Tiếng và vãn, và điệu, và nhạc. Tiếng và không tiếng, lời và ngoài lời... Thơ nhiều quá, tôi biết viết cái gì trước?

Chất thơ nhiều quá, “lộng hoa hương mấn y”. Cuộc sống hiện nay đầy chất đẹp. Cái sắc diễm kiều khác khổ của những con người đi đánh giặc; cái nét mạnh của những chồi đang còn gói ghém. Cái đẹp ít lộ ở ngoài cảnh, mà ở trong mỗi can đảm, mỗi tính tình. Rủ nhau đi dựng cuộc đời mới! Rủ nhau đi hái thơ!

Song le những bài thơ của chúng ta như những cái lẵng vụng về, những cái rổ thưa thớt. Tưởng bắt được chất thơ của thời đại, bỏ vào lẵng; nhưng tay ta non vụng, chất thơ lọt ra gần hết, lại ở nguyên vẹn trong không gian. Xong mỗi cuộc hái hoa đời, ta nhìn lại thấy nhiều những thanh tre lời nói, những mắt đàn vãn điệu, những sợi mây lý luận nữa, mà hoa thì ít, hương thì thưa.

Hay là vì trong bao nhiêu năm, ta chỉ quen với những bông hồng vườn, ta chỉ buộc tâm tình với những cúc, đào trau chuốt, ta chỉ thạo việc mẫu đơn, thược dược, những hoa hương vãn vẻ của một thời yên ổn, ngậm ngùi? Tay ta khéo léo trong vườn hoa chăm, sao mà vụng về giữa

thế giới những hoa không vườn, những hoa nội, hoa đồng, hoa rừng thẳm.

Nhưng lòng ta yêu thơ, yêu sống có bao giờ vơi. Chúng ta lại rủ nhau đi, lòng mới mẻ, tình tươi như lại bắt đầu. Rủ nhau đi hái cuộc đời mới! Rủ nhau đi hái “thơ bây giờ đây”.

Tay chúng ta lại bộp chộp như những đứa trẻ con; những lẳng điệu vẫn xúng xính xinh. Bọn đi tìm thơ chúng ta đông lắm. Trước ngày Cách mạng, một cuộc thi thơ có bốn nghìn thí giả, trong bốn vạn người làm thơ, giữa bốn triệu người yêu thơ, hay là hơn. Bây giờ thì khách thơ còn nhiều hơn nữa. Các bác kháng chiến của chúng ta không mấy số là không có thơ. Những bài thơ gửi về các tòa soạn không thể đếm bằng chục. Trong những sáng tác phẩm xuất bản gần hai năm nay, những tập thơ nhiều hơn cả.

Mà có một cái thú, thường nhận thấy trong nội bộ các tòa soạn, là thơ lại gọi thơ. Một tờ báo ra số đầu, nếu chưa đăng thơ, thì rất ít hay không nhận được thơ gửi về, chừng như bạn đọc còn giữ ý. Đến khi đăng một bài thơ, lập tức thơ các nơi bay đến. Và nếu đăng được một vài bài thơ hay, thôi thì “hào kiệt bốn phương” của thi đàn, như nghe tiếng gọi của những người đồng chí, trao tặng cho tòa báo biết bao nhiêu bản tâm tình. Sau cái sân khấu thơ, nó chỉ là một khoảng giấy trắng có đóng khung, có một ít hội họa điểm trang, hay thanh bạch hơn là một vài trang giấy rộng, những bài thơ không chen lẫn nhau gì cả, chỉ chờ con mắt xanh của tri kỷ đến chọn hoa khô.

*
* *

Có một dạo, nghe theo nhiều bạn, tôi cũng nghĩ rằng: trong kháng chiến, nhạc phát triển, mà thơ không. Đây ta không nói đến việc quân chúng hát rất nhiều, nó là một vấn đề khác, thì thơ phát triển mạnh hơn cả trong các ngành văn nghệ ở số người thích thơ, làm thơ. Nếu kể đến hàng hà sa số báo tường, báo tay, thì ta sẽ thấy không biết bao nhiêu là thơ xuất hiện. Đành rằng những bài thơ hay - cũng như những bài nhạc hay - rất hiếm; nhưng chỉ nhìn một sức dạt dào vươn đến thơ, đến đẹp, cũng kính phục cái mùa nẩy nở bao la bát ngát do mặt trời cách mạng thức lên.

Tôi nhớ cuốn nhật ký của tiểu đoàn trưởng Lư Giang, ở mặt trận Đèo Cả năm 1946. Làm chiến công và làm thơ. Chiếc xe ngựa miền Nam nhè nhẹ lă'c theo nhịp đường, anh chiến sĩ thon gọn với đôi mắt đen xéch; cỏ hoang hai ven bờ; nă'ng chiều; quyển sổ mực xanh; Lư Giang quý tôi lắm mới cho xem những bài thơ anh tự làm cho mình. Ít phần kỹ thuật, đầy vẻ thiên nhiên. Tôi nhìn mặt anh, một trong những anh hùng vô số của dân tộc. Lên tới Đèo Cả: anh đại đội phó giữ căn cứ, một học sinh Hà Nội, đầu xanh bóng nhoáng cạo bằng mảnh chai, đưa quyển sổ con yêu cầu tôi chép thơ, hái cho tôi một quả cam núi.

Biết bao lần gần chiến sĩ; gần cán bộ, cũng vì làm thơ, tôi được các anh cho bước vào cái đèn riêng của tâm tình các anh. Cái đèn không phụng thờ, các anh kín đáo trang hoàng riêng để những khi ngoài công tác và tập đoàn, các anh về hay là vào nghỉ ngơi thư thả chút. Những khi ấy, tôi trân trọng rén từng bước một, đưa tay lật những vần thơ, lắng lắng tai nghe. Cả một thời chinh

chiến, cả một niềm hỉ xả quên mình, cả đá núi, cây rừng, cả bùn lầy, cát vãng hát đồng vọng trong những câu thơ. Vì tôi xem câu thơ và xem giữa giòng chữ, vì tôi nghe cái muốn nói thêm vào cái đã nói, không phải vỏ sò nào cũng bóng bẩy xinh đẹp cả, nhưng vỏ sò nào xù xì đơn giản đến đâu mà không mang được nhịp biển vang vang? Thơ hay cũng hiếm như ngọc quý, nhưng biết nghe, thì bài thơ nào cũng gần xa, to nhỏ nói được thời đại.

*
* *

Tôi biết rằng hầu hết thơ gửi đến đều là của cán bộ, của chiến sĩ cả. Trong dân tộc ta lúc này, người nào có ít nhiều tài thức mà không thành chiến sĩ hay cán bộ. Tôi để ý đọc những địa chỉ: *Hoa kiều vụ Bắc Giang, Ty công an Tuyên Quang, Tỉnh bộ Việt Minh Cao Bằng, Tỉnh bộ Việt Minh Lạng Sơn, Liên Việt Thái Nguyên, Trung đoàn X..., Đại đội Y...* Cả một thế hệ tuổi trẻ làm thơ, làm việc. Những anh hôm qua học trò, hôm nay trên hai vai chưa rộng, đã đề một nhiệm vụ nhỏ hay to. Những người cầm quyền chỉ huy, trên môi vẫn quang đãng. Những người ấy làm thơ, vì thời đại hát ca ở trong họ. Chúng ta làm thơ vì cái đẹp càng ngày càng nhiều. Vì gió cách mạng nổi dậy bốn phương, thổi cái ước của nô lệ, quét cái bẩn của bóc lột. Vì một ngọn triều ngờm ngợp từ ngực ta đưa lên. Vì nước mắt giác ngộ đã rửa mắt ta thêm biếc. Chúng ta làm thơ vì có những Sông Lô, La Nhà... Chúng ta làm thơ vì không sao cả, vì hoa ngày nay nở, chim ngày nay kêu. Đời vẫn trẻ như muôn xưa.

Đời lại trẻ hơn lúc nào hết. Chúng ta sợ lă'm, sợ lă'ng của chúng ta cứ thừa mãi, rỏ của chúng ta cứ sót mãi. Chúng ta sợ chất thơ lơ bỏ chúng ta mà đi. Chúng ta nă'm lấy tay nhau vây lấy cuộc đời. Vậy còn sót, đã có con cháu chúng ta kết những cánh tay tương lai của chúng làm lưới. Đời với thơ lúc nào cũng thoát rộng hơn tay chụp bắt của các thế hệ, mà vì vậy lúc nào cũng vẫn còn đời để bắt, còn thơ để theo.

Nào! Chúng ta hãy tiếp tục đan vãn, ghép điệu, buộc ý, làm thêm những lă'ng hái hoa. “Biển bướm đỏ rào rào trong gió mát - Lá non xanh như suối chảy trên trời”. Nă'm lấy cuộc chiến tranh giải phóng thơm tho, qua muôn màu, muôn vẻ. Cuộc hái bắt lúc xong rồi mới biết. Một vài năm có kể gì.

Nghệ thuật dài, đời ngắn.
Bền chí, vững tâm!

2-9-1948

TIẾNG THƠ THÁNG TÁM

Mùa thu của chúng ta bây giờ xôn xao quá đời!

Cái mùa thu thời tiết, mùa thu của Nguyễn Khuyến, “*nước biếc trông như làn khói phủ - làn ao lóng lánh bóng trăng loe*”, cái mùa thu sau mùa hè đã nhiều hứng cảm rồi, nhưng giác quan của con người hiện đại chúng ta thấy mùa thu thực là một mùa xuân phơi phới. Mùa thu nghìn cổ ấy từ ngày Cách mạng tháng Tám, mùa xôn xao lại mấy lần xôn xao. Bây giờ thu không những đem sang cái nắng trong vàng, cái trời xanh ngắt, cái mát mẻ hiếm hoi quý báu ở miền nhiệt đới, mà thu bây giờ đem đến những ngày kỷ niệm làm run cả tình cảm, làm say cái niềm “người”. Cái niềm “người” là giác quan thứ sáu của chúng ta từ đây trở về sau. Từ giữa thế kỷ hai mươi, chúng ta thêm một xúc cảm văn minh: ngồi một mình, mà cảm nghe quần chúng; lòng ra rung quần chúng; ta dậy những mạch máu trong người khi tưởng tượng rào rào quần chúng. Các giác quan thứ sáu, cái niềm “người” ấy là một cảm giác thủy triều.

Vậy mùa thu rất xuân của Việt Nam, năm nay cũng như đã ba năm trước, lại có ngày Mười Chín tháng Tám, rồi ngày Độc lập; rồi hết tháng Tám dương lịch, lại đến

tháng Tám ta, với tết Trung thu. Những cổng chào dựng kỷ niệm ngày Tổng khởi nghĩa vẫn đứng y nguyên để chờ ngày Tuyên ngôn Độc lập; ngày Hai tháng Chín tới, cổng chào lại đắp thêm hoa lá, cắm một lớp cờ nữa, treo thêm lồng đèn. Thế rồi đã hết đâu! Những lồng đèn kia, với những cờ, lại để đến rằm Thiếu nhi chơi trăng một lần nữa. Ngày tết Độc lập, các em bé năm nay đã đánh trống, rước đèn rồi. Làm người độc lập thật là sung sướng!

Thế là suốt một mùa thu, những ngày hội nă'm liên tay nhau mà múa một vòng tươi sáng. Cùng với thịt da diu nở dưới bóng lá xanh, tâm trí ta cứ tưng bừng với một không khí hội hè. Hội hè có tiệc tùng, đình đám, chi phí gì đâu! Hội hè trong tinh thần, hội cởi mở của nhân dân, hội tràn đầy của đất nước.

Cái xôn xao tháng Tám ấy, nghĩa là cả tháng Chín, tháng Mười nữa, tôi thấy soi gương trong nhiều bài thơ. Thơ năm nay, thơ năm ngoái. Những bài thơ cũng lại kết hoa chung quanh tháng Tám. Tất cả xôn xao lạ thường! Những thơ đăng trong các báo, và thơ gửi đến *Văn nghệ* còn nhiều tứ khác, nhưng tôi hãy chọn những vần rất xuân, rất thu chứa đựng được cái lên triều của lá hoa, của sóng nước, những vần có mở một chân trời, những tiếng ca gợi những lời ca...

Cách mạng tháng Tám năm ngoái (1947) Tố Hữu kể chuyện *Việt Nam phá ngục* trong báo *Chống giặc* (Thanh Hóa):

*Hai năm trước, tôi là tên nô lệ
Tù chung thân, già kẻ tám mươi năm.
Ăn khổ sai, cùm nhốt dưới lao hàm...*

Tên nô lệ ấy đã phá ngục rồi! Mở ra, mở ra trước mặt
Việt Nam tất cả, tất cả:

*Trời đất mênh mông, xanh xanh cỏ nội,
Chim kêu chim trên gió, hoa tìm hoa,
Ngảng đầu ca tám hướng Tiến quân ca...*

Những câu thơ bay một cách lạ!...

Văn Cao ca *Khúc nhạc của Người Độc lập* (Báo *Độc lập* 2-9-47). Cái say sưa tận tụy của nghệ sĩ hòa với cái
hăng hái của đời mới đấu tranh:

*Thân nghệ sĩ làm cây trong rừng hát
Đời lên bát ngát
Nhạc mới khởi bay rồi.
Gỗ hòm đàn, tiếng gõ nhẹ chơi vơi,
Giây lạnh lẽo nhún đều tay rớm máu.*

Một nhà thơ trẻ, Cao Nhị, có mấy chữ “xanh” rất
sáng (*Việt Bắc quyết chiến*, 8-47):

*Mùa thu sang, ôi là xanh! Xanh! Xanh!
Búp nhựa mạnh vươn mình theo ánh sáng.
Mười Chín tháng Tám
Ngày huy hoàng ngày Cách mạng thành công.*

Rồi các nhà thơ nhắc đến những năm kia và năm
trước nữa. Vũ Đình Liên, sau hai năm lặng lẽ, góp mấy
vần thứ nhất với Cách mạng:

*Tám mươi năm uất ức với căm hờn
Nén trong lòng hai mươi triệu lê dân
Buổi thu ấy, hét vang như sấm động!
Lên ngập trời với ngọn cờ giải phóng,
Tràn qua thây quân phát xít kinh hoàng
Như sóng dâng, xô đổ một ngai vàng.*

Nhà thơ Dương Linh, nay đã quá cố, để lại nỗi tiếc thương cho chúng ta, cũng viết:

*Núi đứng thẳng nhìn biển trời cao rộng
Sông lượn quanh cùng reo nhạc thanh bình.*

Báo *Khu Giải phóng* (2-9-47) tả đài Độc lập ở vườn hoa Ba Đình, một cái đài “ngạo nghễ đứng cười trong nắng biếc”, và đã có một câu thơ hay quá:

Đài đã cao gió nâng mãi lên cao

Ta tưởng tượng cái đài Độc lập trắng tinh điểm trang đỏ thắm, và Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng ở trên, cao cả, nhẹ nhàng; trời thu xanh, nắng thu gặt nhưng trong, gió thu lồng lộng, và lá cờ trên ngọn cũng chót vót nữa: tất cả nỗi niềm cao cả gọi được trong câu thơ nhẹ vô cùng.

*
* *

Mỗi một cảm giác bây giờ có mang những cảm giác cùng một loại của ngày trước. Tháng Tám năm nay, báo *Cứu quốc* khu 10 nhắc đến cuộc biểu tình gọi mưa tháng Tám năm 1946 ở Hà Nội, và ta thấy vẫn rõ ràng, vẫn linh hoạt trong trí nhớ của ta. Tháng Tám năm sau có lẽ ta sẽ nhớ tháng Tám năm nay 1948 ở một địa phương nào nhỏ nhỏ, nhớ tháng Tám 1947 trước trận Việt Bắc, rất nhớ tháng Tám 1946 “tuổi tôi” của Cách mạng ở thủ đô, nhớ nhất tháng Tám 1945, khai sinh cho tất cả những tháng Tám vô cùng vô tận. Tất cả những kỷ niệm ấy sẽ trộn lẫn nhau, tùy theo mỗi cảm tình, mà đậm nhiều hay ít, nhưng mỗi ngày lễ tháng Tám đều mang dấu những tháng Tám qua. Cuộc sống đi rất nhanh, sự

việc càng lùi càng ướp hương thời gian phảng phất. Năm ngoái, có nhà thơ đã nhắc đến đoàn biểu tình vĩ đại năm 1946 tuần hành dưới mưa tầm tã ở Hà Nội, với một dáng điệu cách mạng lạ lùng! Hàng vạn người chảy xiết dưới mưa, mưa hữu tình mang những lá cờ, chạy hòa với dân chúng:

*Hồ reo hò, ca hát dưới mưa rào,
Ướt mặc ướt, người ta vui vì ướt;*

...

*Mưa tháng Tám là mưa nguồn Cách mạng,
Nước giữa trời là rượu của thành công
Men tự do thiêu cháy rục muôn lòng,
Lửa tháng Tám có mưa nào dập nổi.*

Và trong một tờ báo nào đó, của một tác giả tôi quên tên, tôi thuộc hai câu lục bát hứa hẹn này:

*Tre rung theo cánh sao vàng
Xên xang mái đỏ những hàng ngôi non.*

Thưa các bạn! Gợi mùa xuân năm nay, trước tiên tôi đã nhắc những câu thơ đăng trong các báo 1947. Chắc các bạn vì quá yêu thơ, nên khe khẽ như một tình nhân đòi hỏi đúng mực sẽ cho rằng những câu thơ tôi trích ra đó chưa mấy xuân. Nhưng biết sao bây giờ? Chúng ta đi lọc vàng, thì đừng khó tính quá. Những câu thơ ấy, tôi vừa lọc lại trong một số thơ tôi đã chọn lựa và ghi chép sau khi đã đọc hàng ba bốn chục số báo đặc biệt ra ngày 19 tháng 8 và mùng 2 tháng 9 năm 1947. Những bài thơ ghi lại đó, tôi đã mang trong ba lô, lưu chuyển suốt trong trận Việt Bắc, và đi từ Bắc vào Trung, từ Trung ra Bắc, ôm ấp hơn một năm trời rồi. Con người cũng thế con ta, những đứa con của bạn thơ bốn phương sau khi đã giới thiệu ở *Tiếng nói Việt Nam* (tháng 9 năm 1947) tôi chiu chút giữ mãi. Hôm nay khoe

được trên giấy tờ với các bạn, tôi như nhẹ nỗi lòng! Cuộc đi tìm thơ gian lao cực nhọc lắm! Phê bình tương đối dễ, nghệ thuật tuyệt vời khó. Người đi chọn thơ còn gian khổ như vậy, lọc qua bao nhiêu quặng mới được chút kim khí, huống chi người làm ra thơ thì còn gian khổ nhiều. Cách mạng vật ta, bắt ta tranh đấu, thì cái Hay, cái Đẹp cũng quần ta không kém, bắt ta vươn lên! Không một cái gì tạo ra mà không đổ mồ hôi, sôi nước mắt. Trong nghệ thuật cũng vẫn có câu: Đẹp là một sự cố gắng không ngừng.

Cũng vì nghệ thuật khó như vậy, nên chú ý đọc một số đông các báo đặc biệt của mùa xuân xao lịch sử năm nay, tôi chưa biết các bạn được những vần xuân nào. Trong khi chờ đợi những mùa mới nữa, thì giữa ba lần kỷ niệm, mùa 1947 tương đối đã nở nhiều thơ đặc biệt hơn cả.

Những thơ gửi về *Văn nghệ* có nhiều tứ lắm. Tôi hằng chọn những tứ hên hò hơn cả, những ý thơ không chỉ có hai với hai là bốn, mà mở được một niềm vang ngân. Giữa đám đông những vần, thỉnh thoảng nhận được những vần biết cười, biết hát. Biết nói đã đành rồi, nhưng phải biết cười, phải biết hát. Phải biết xanh trong như những con mắt nữa.

Mấy câu thơ hoa phượng đọc trong mùa này, ấm áp như một hoa hồng đỏ:

*Hè vừa tới, hoa liền theo mùa nở
Thắm bầu trời một sắc lửa non tươi;
Cũng như hoa, một giai cấp đang cười
Sống kham khổ nuôi người - mơ sắc đỏ.*

Nguyễn Văn Bình

Trẻ trung nhất là câu:

Cũng như hoa, một giai cấp đang cười

Có một cái gì mở rộng ra, hứa hẹn nhiều; so sánh một giai cấp với một loạt hoa nở là một tứ đột ngột, mà thơ lại tự nhiên. Thấy hoa phượng trên trời, người ta sẽ nói: “Đây, giai cấp cần lao đang cười đây.”

Nhà thơ lại viết:

*Hoa rực rỡ và đẹp hơn ánh lửa
Cứ đỏ trời một sắc tựa cờ bay.*

Nhắc đến hè, ta hãy nhắc xa hơn nữa, vào ngay tháng giêng hai, trong mùa xuân, để tìm cũng một loài hoa đỏ nữa, cũng một loài cây cao to mạnh mẽ, lúc nở hoa cũng nở cả một vùng:

*Trời đỏ tung bừng hoa gạo tươi
Đây nơi đất sống hạt lên đời
Tình khô màu thắm thành hy vọng,
Việt Bắc hôm nay nở nụ cười.*

Nguyễn Văn Bình

Hoa đỏ mùa hè, hoa đỏ mùa xuân, cũng đều xôn xao cả.

Một bạn cảm cái khung cảnh nhà trường lúc sắp bế mạc một lớp học chính trị, sắp tản mác một lớp đồng chí bấy lâu quay quần thân ái nhau, là “tình ly biệt” vấn vương:

*Một ánh vàng sao; vương lệ tuôn
Ảnh hình xa cách tản trăm phương,
Hồn ai sống nhẹ nhiều ly biệt
Lòng nặng trần gian tựa nước nguồn.*

Mộc Nhĩ

Tôi gọi câu thứ tư là xôn xao, vì câu thơ ấy có cái gì “thi tại ngôn ngoại”. Lòng nặng trần gian tựa nước nguồn... Lòng người quả có như thế thật! Sao mà trĩu trĩu! Sao mà vắn vương! Sao hay luyến người, luyến cảnh! Lòng nặng trần gian, mỗi bước đời mỗi yêu mến; tựa nước nguồn: và nặng lă'm, chảy mãi không thôi.

Như thế đã đủ xôn xao chưa, các bạn? Xin dành một bài xôn xao nữa, để kết câu chuyện tiếng thơ của mùa thu này. Bài thơ rằm tháng Tám lại lấy tên là:

TRIỀU XUÂN

*Ta nằm trên gác vă'ng
Nghe tiếng mùa xuân dạo khă'p nơi.
Các em nho nhỏ chùng đôi sáu
Dạo những lời ca bát ngát đời!
Các em đương tuổi mùa xuân đến
Đã gặp mùa xuân của nước non
Ôi! Tết thiếu nhi! Ôi! Tháng Tám!
Xuân, thu quân tụ giữa lòng son!
Ta sống nhiều thêm! Sống mạnh thêm!
Các em! Hạnh phúc quá êm đềm...
Các em! Dân tộc đều say cả...
Ta muốn cười điên! Muốn khóc điên!
Ta muốn phá tan khung ngực nhỏ
Cho đầy tất cả khí non sông:
Ta muốn phá tan biên giới cũ
Xô đẩy lòng trai đến tận cùng!
Giang tay ta đón mùa xuân mới,
Chân bước liền nhau chẳng kịp dò;
Chỉ biết đất xanh còn nở mãi
Và ngọn cờ thiêng đã tự do.*

1946

Đào Xuân Quý

TIẾNG THƠ HAI NĂM KHÁNG CHIẾN

Một nơi gần Việt Trì, tôi viết *Tiếng thơ*. Súng nổ âm âm. Phi cơ khu trục ù ù ở xa, nghe ở nơi tai như khi sót rét rừng uống ký ninh nhiều quá. Nhiều thứ tiếng nổ làm nền cho âm thanh cuộc sống. Tiếng chim hót chen vào. Những con chim phi cơ của tạo vật bé như một trái tim, bả'n mãi khoảng xanh bằng những tràng ngọc tiếng. Cả tiếng gà chiêm chiếp vào ăn trong bãi sả'n. Tiếng chân dậm đường đời. Đồng lúc gặt rồi, các cánh quạt quay hết tốc lực. Sắt khí dâng một góc trời, chung quanh cái thành phố trụi Việt Trì giặc nhảy dù xuống đã mười lăm hôm mà không ra thoát. Nhưng hoa chẳng giật mình quên nở, “sớm nay tiếng chim thanh”...

Chúng ta nói chuyện thơ. Tôi có ý điểm một số thơ hay trong khoảng hai năm kháng chiến. Nhưng làm cái việc của một “ban tổ chức”, cũng mất hứng. Phải chọn lọc các bài không được bỏ sót, phải định giá hơn kém, trình bày lớp lang. Chỉ sợ mải mê cái công việc tuyển hoa khô, mà quên mất sả'c đẹp. Vậy tôi sẽ phóng túng. Tôi chưa nói đến những bài của những nhà thơ quen biết. Nói không đủ, thà để lại một dịp sau. Tôi chú vào các bạn mới.

Trước tiên, đoàn đại biểu Nam Bộ có đem ra cho chúng ta hai câu thơ đặc biệt. Bảo rằng không phải là thơ cũng được. Nhưng nó còn hơn thơ, nó là sự sống. Nó là tiếng của Đồng Tháp Mười. Cái tiếng lạ lẫm, cái hình cũng lạ:

*Trên trời muỗi kêu như sáo thổi,
Dưới nước đũa lội như bánh canh.*

Đồng Tháp Mười quý yêu của chúng ta đấy. Những bạn nào mang sốt rét Việt Bắc cũng nên thấy mình còn thua chiến sĩ Đồng Tháp Mười. Muỗi Đồng Tháp vừa lớn, vừa nhiều, vừa kêu thật to. Chúng nó đã thành tiếng sáo diều! Và bánh canh là một thứ quà miền Nam, có những sợi bột xe dài nấu trong nước suýt thịt hay cá. Vậy thì đũa dưới nước Đồng Tháp Mười cũng đông đặc như những con bột trong một bát bánh canh! Nếu đem tập *Chinh phụ ngâm*, ở cái đoạn tả nỗi khổ của lính đời xưa:

*Ôm yên gối trống đã chôn,
Năm vùng cát trắng, ngủ còn râu xanh.*

thì hai câu thơ Đồng Tháp này ăn đứt! Các chiến sĩ Cộng hòa sống treo dưới một trời muỗi đốt, sống nổi trên một biển đũa bơi, còn gian khổ gấp bao nhiêu những “ngang lưng thì thắt bao vàng”. Thế mà họ tức cảnh một cách thần nhiên, họ lại còn cười trong thơ khúc khích! Hai câu thơ lại như muốn nói: “Thơ lính của chúng tôi thế đấy, chỉ có đũa và có muỗi. Nghe ngộ không?”

Thơ lính! Thơ thật là của lính! Có những thơ lính cán bộ, thơ chính trị viên, nhiều bài hay; nhưng thú nhất là thơ binh nhì nó như tiếng súng bắn “đoàng” một cái. Giản dị lẫm, mà sâu sắc đến giật mình!

Một phóng viên chép trên đường số 4 mấy câu không vần mà có điệu “gửi Quê hương”:

*Quê hương, ôi quê hương! Đồng lúa vàng
man mác,
Nhà tranh xám, hàng rào thưa êm ái,
Chó nằm yên đợi chủ ngoài hàng hiên,
Gà gáy... âm vang trong yên lặng của trưa hè,
Nhưng vụt cháy! Làng tôi cháy đỏ
Và lòng tôi cũng rực ánh lửa hồng*

Mấy chữ “Nhưng vụt cháy” như một mồi lửa bốc.

Lưu Trọng Lư đọc được trong sổ tay một anh bộ đội ở Thừa Thiên:

*Đốt ổ này, ta xây ổ khác,
Chặt cây ta lại cứ trồng cây.
Còn nương ta vẫn còn cày,
Đào đất lên ta sẽ chôn đất xuống.
Vì máu ta đã bón trong bùn ruộng,
Lòng ta đã chảy với sông ngòi,
Tám mươi năm xơ xác với tôi đòi,
Đất đau khổ không dung loài dê chó.*

Một cuộc vật lộn không ngừng giữa cái sống với cái chết, cái xây dựng và cái tàn phá, mà phần thối cuối cùng là thuộc về chúng ta, về những con người, về dân chúng. Còn dân, còn làm việc, như còn đất, còn sinh. Một cái đầu không ai bắt cúi được, một cái cây chặt mãi vẫn ra mầm: dân chúng đã hóa thành tạo vật.

Thơ ở đây gặp ghềnh gân guốc như một bàn tay làm việc, là của một lớp người trẻ vô cùng. Họ không bắt chước một ai; họ chưa có kỹ thuật, nghĩa là họ sẽ tạo ra

một kỹ thuật mới; và cái ngây thơ thật thà của họ nhiều khi đến được bậc nghệ thuật tối cao.

Các báo chí của ta đăng thơ nhiều vô kể. Lòng yêu thơ là tuổi trẻ của đời. Một ngày nào đây, chúng ta sẽ cùng xét đến những bệnh ấu trĩ của thơ thời đại. Nhưng sắp bước sang năm thứ ba kháng chiến, cái ngày “năm mới” của kháng chiến, ta muốn chỉ nói đến thơ hay mà thôi. Ta muốn nói đến những tiếng hát. Cổ ta chỉ chực hát. Ta đi tìm cái nghĩa “hát” của chiến tranh giải phóng. Súng của ta ngược cổ hát bằng đạn. Những giọt máu chúng ta nhỏ xuống vẫn còn hát. Mỗi sự việc của chúng ta là mỗi chiếc thuyền bơi vào ánh sáng. Mồm chúng ta hát bằng nhạc. Lòng chúng ta hát bằng thơ. Thơ không hát là thơ chết ngạt.

Miền Trung gửi ra đến đây mấy bài thơ hát. Báo *Cứu quốc* Nam Trung Bộ có bài *Buồn, Vui của núi* tặng bộ đội chiến khu Phan Rang. Bộ đội Phan Rang rời chiến khu xuống đánh ở đồng bằng; giặc lại lên chiến khu vây bủa. Bộ đội được tin, trở về giải vây cho núi. Núi buồn, núi lo sợ, núi trở lại vui khải hoàn:

*Tự thừa quân reo tràn xuống núi,
Núi buồn trông giới bước quân đi.
Đèo cao mím miệng phào hơi gió,
Thác đá sâu buông lệ rỉ rì.*

*Đoàn quân xuống núi mê đồng nội,
Ngang dọc băng qua ruộng với vườn,
Quên núi, quên non, quên thác đá,
Quên buồn, quên nhớ, lại quên thương.*

*Đang lúc đoàn quân say sả'c lúa,
Địch thù ồ ập bủa vây non.*

*Núi nhìn đồng nội: nào đâu thấy?
Lá đỏ, hoa rơi, đá sã'p mòn.*

*Quân ở đồng xa nghe tiếng than
Quay về đánh bại lũ tham tàn,
Xác thù như lá mùa thu rụng
Trên đỉnh đèo cao chát ngồn ngang.*

*Ai có lên cùng trên núi biếc,
Nhìn xem cảnh núi mới huy hoàng!
Hôm nay chă'c hẳn cây xanh lá,
Thác đổ mừng reo khúc khải hoàn.*

Hay Hát

Bài thơ không lên giọng to tát gì cả, cũng không súc tích lối “nghệ sĩ”; bài thơ trong như một giòng nước suối chảy dịu dàng xuất tự một ngòi bút non trẻ. Một bài thơ có nhiều chất xanh.

*
* *

Kháng chiến không những chỉ đỏ mà thôi, kháng chiến còn rất xanh. Kháng chiến không phải chỉ nóng, chỉ sôi, kháng chiến còn mát. Mà có xanh, có mát mới kéo được lâu dài.

Thơ không nên mãi mãi thét gào, cười gằn, hùng hổ. Thơ cũng qua hai cái năm lửa máu của nó, bước sang một trạng thái dồi dào hơn, lả'm vẻ hơn. Hồn kháng chiến ở khắp nơi, ở cái vui, ở cả cái buồn nữa. Và nó biết thanh nhẹ, sau khi nổ âm âm. Tôi yêu tiếng cối giã gạo bằng sức nước của đồng bào miền ngược, tôi yêu

tiếng mõ lóc cóc nơi cổ trâu ăn cỏ rừng, tôi yêu lời nhẹ nhàng của ai đó ký tên là Noọng Hoa:

*Chiều chiều theo đàn trâu
Tiếng mõ rộn rừng sâu
Tai nghe xa tiếng súng
Cối gạo nước dồn mau
Em mơ ngày độc lập
Anh ơi gả'ng luyện tập
Đoạt chiến công miền Tây
Giặc thua, về em gặp.*

Tôi nhớ bài thơ hoang vu Đèo Cả. Một nhà thơ đã gọi cái đèo chênh vênh ấy, đứng trong đất nước ta, đứng giữa Phú Yên với Khánh Hòa, mà lại hóa thành một quan ải nào heo hút quá. Vì bên này là ta, bên kia lại là giặc. Nhất là khi chiến tranh chưa lan toàn quốc, từ Bắc Bộ đi suốt vào Đèo Cả, lên Đèo Cả thấy bên kia giặc rả'c tai ương. Đèo Cả biên thù, đứng trên đầu bể thảm, đung tới mây cao. Đèo Cả treo dưới trời, mà cái đẹp trầm hùng ngang với lòng chiến sĩ. Tôi đã lên tới đó, ngả'm tàu giặc dưới vũng Rờ; đêm nín hơi ngồi chòi canh, nhìn đèn điện giặc kéo qua ngoài biển. Các chiến sĩ ăn những vắ't cơm nă'm từ đêm trước, với quả trứng vịt luộc hay miếng đường; khâu vá thì tháo sợi trong vải cũ, xe lại làm chỉ; mấy anh con trai Hà Nội vào đứng cheo leo trong ấy, trong lúc Hà Nội vẫn hầy từng bừng... Cái quán lấy tên Hồng Quân, lạ nhất là vào trong thơ mới, nó lại Đường thi cách lạ!

*Đèo Cả! Đèo Cả!
Núi cao ngút:
Mây trời Ai Lao sâu đại dương,*

*Dậm về heo hút,
Đá Bia⁽¹⁾ mù sương,
Bên quán “Hồng quân” người ngựa mỏi,
Nhìn dốc ngòi than,
Thương ai lên đường!
Chày ngày lạc giữa núi,
Sau chân: lối vàng xanh tuôn,
Dưới cây bên suối độc,
Cheo leo chòi biên cương.*

...

*Rau khe, cơm vấ't,
Áo phai màu sa trường.
Ngày trâu vượn hú
Đêm canh gặp hùm lang thang.*

Hữu

Sau chân: lối vàng xanh tuôn! Lá xanh, lá vàng chảy xa như thác. Rừng Nam Trung Bộ có hiền lành như rừng Việt Bắc đâu. Cây to lớn hơn người ôm, rừng già trộn với đường cong bờ biển, vượn hú, hùm đi, man rợ lă'm! Không như rừng Việt Bắc thanh thanh, nửa mọc, luôn lối chẳng chịt hàng trăm lối đi, rải rác những thôn bản ấm tình người.

*
* *

Ở rừng. Một hình thái phổ thông của thời kháng chiến. Ở rừng lâu xanh cả mặt, da nhuộm lá vàng cây,

(1) Tên một ngọn núi.

đỏ hung hung vào con người, mắt đô thị có cái nhìn rừng núi. Có những lửa rừng đêm, có những bài hát làm lá rung đến cuống; có người sơn nữ; có công tác, có tập đoàn. Nhưng ta nói không đủ sự thật đẹp xinh, nếu ta quên những khi buồn rừng tê tái. Ta yêu tất cả sự thật, dù ánh ngày hay bóng đêm; kháng chiến càng to tát hơn, khi nhan sắc khỏe khoắn mệnh mông có điểm một chút quầng nơi bóng mắt. Ta rất hiểu người thi sĩ chiến khu Bình Trị Thiên nói những phút lòng hiu hắt:

KHÔNG ĐỀ

*Buồn quá đi thôi núi vì quanh,
Suốt ngày trăng tráo một mùi xanh.
Lưng trời ghép chặt trên rừng rậm.
Thung lũng nằm trơ chói nắng hanh.*

*Đêm về thêm nặng về thê lương
Chim chóc dàu dàu như nhớ thương.
Róc rách khe kêu rành một giọng,
Rừng thêm u ẩn dưới trời sương.*

*Nút nở ngoài xa gió khóc ai?
Kêu ai chìm réo suốt đêm dài,
Nhớ ai trăng cũng vàng heo hắt.
Xa lắm, vầng sao nó cũng phai.*

*Đợi chờ khó chịu quá đi thôi,
Đêm đến ngày đi biết mấy rồi,
Nhìn đám mây buồn trôi uể oải
Ta nghe trong thụt máu bưng sôi.*

*Chiều nay núi vẫn trơ màu biếc,
Khe vẫn ngân nga một giọng đều,
Rừng vẫn buồn buồn như mển tiếc,
Trời ơi! ám ức biết bao nhiêu.*

Vĩnh Mai

Những giờ tê tái thỉnh thoảng đến, để rồi lại tan trong cái vui làm. Đáng yêu lòng người cán bộ biết bao nhiêu! Người ấy thật anh hùng, người ấy còn trẻ quá. Cái lũ người không râu ấy “vai khiêng trái đất” tay đập mùa xuân. Lũ người ấy đôi khi cũng thấy mình còn ở trong tuổi tung tăng của một con sinh vật trẻ. Anh cán bộ căng hết nghị lực vào nhiệm vụ, không sai bốn phân mảy may, nhưng mắt anh có lúc mơ màng chạy xa cái địa điểm anh ở. Tuổi anh còn ít quá! Đáng lẽ ở một nước phú cường giữa một nhân loại không chém giết, anh được phần nào vô tư lự; nhưng anh là người Việt Nam giành độc lập, dựng dân chủ, xây hạnh phúc loài người; anh vui lòng âu lo; âu lo thế mà cũng chạy nhảy... Cái mâu thuẫn đầy sinh lực đó đốt giữa lòng anh.

Và mặc dầu khói lửa, mặc dầu kham khổ, thiếu thốn, anh vẫn giữ trong lòng một suối xuân, giữ vững tuổi thanh niên không phai lạt!

Trong lúc chiến tranh Nga - Đức gay găt nhất, Êrăngbua đã viết một câu rất có duyên và rất chí lý: “Lúc bấy giờ, chúng ta sẽ đặt khẩu liên thanh trên vai xuống và nói: Bây giờ thì chúng ta sống cuộc đời”. Mỗi chúng ta ai không hằng hái thêm, nghĩ đến “Lúc ấy”?

Các chiến sĩ đem rút lui ra khỏi thủ đô, đã biết trước

NGÀY VỀ

...

*Nhớ đêm ra đi, đất trời bốc lửa,
 Cả đô thành nghi ngút cháy sau lưng.
 Những chàng trai chưa trả'ng nợ anh hùng.
 Hồn mười phương phát phơ cờ đỏ thắm.
 Rách tả tơi rồi đôi giày vạn dặm,
 Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa.
 Mái đầu xanh thề mãi đến khi già,
 Phơi nă'ng gió và hoa ngàn cỏ dại.
 Nghe tiếng hẹn của những người Hà Nội:
 Trở về! Trở về! Chiếm lại quê hương.*

Chính Hữu

Mấy câu thơ Hà Nội phơi phới lòng trai!

Nhà thi sĩ không mơ mộng chút nào khi thấy “Đường hát sao vàng, phố reo cờ đỏ”. Để cả hăm hở thiêng liêng vào sự giết giặc, chúng ta đây có phải đâu chẳng biết tay chúng ta là để xây dựng hòa bình:

*Tay chém giết phút này im điệu múa.
 Súng thanh bình kể lại chuyện xa xôi,
 Tay xây dựng một đô thành vóc lũa.
 Máu không si nhưng hát ở tim người,
 Và nghe gió ân tình duyên Độc lập,
 Và nghe đời say với Tự do lên,
 Nghe chim ca giọng vàng ươm ý đẹp.
 Hạnh phúc về Hà Nội hát triền miên.*

Đỗ Hoài

*
* *

Hai năm kháng chiến, sớm nay tiếng chim thanh.
Tiếng chim mùa thu đông lại thanh hơn mọi mùa. Như
con mắ't thu như giọng nói giữa trời lạnh. Những con
chim, phi cơ của tạo vật, bé và hát như một trái tim, đợi
chờ những phi cơ của con người trong sứ mạng tuyệt đối
thanh bình. Máu chúng ta nóng, tươi, chúng ta kháng
chiến vừa ca hát. Loài người đã vừa khổ đau, vừa ca hát.
Loài người sẽ chỉ còn làm việc, sống và hát ca.

Thơ đi dọn đường cho tiếng hát ấy.

Vĩnh Yên 23-11-48

TIẾNG THƠ XUÂN

*Mỗi năm hoa về đây,
Hoa nói gì với người?
Lòng đời chă'c nặng lă'm.
Hoa nói hoài không thôi.*

Huy Cận

Mỗi năm xuân về, hoa lại rộ lên. Bản đàn thời tiết đến chữ Xuân, điệp khúc lại xoáy tha thiết.

Năm nay chúng ta không ở những thành phố, không mua trăm thức hoa trồng ở ngoại ô về ngă'm, nhưng hoa tự nhiên trên các đồng, các bờ cỏ, qua các rừng của ta, đến tháng chạp, tháng giêng cũng nhiều hơn mọi mùa. Năm thứ năm Cộng hòa, nă'ng tháng chạp mát quá. Chiếc xe đạp đường trường của anh cán bộ chồm chồm trên các nẻo đường vừa mới sửa lại trong giai đoạn cầm cự. Bờ sông Lô Phú Thọ, các đồi đỏ Vĩnh Yên, đê sông Máng Bắc Giang, lại các bờ ruộng Bắc Ninh nữa: có mấy hôm mà xe anh băng băng nối liền mạ nọ với làng kia. Trời vẫn rét, nă'ng lại ẩm, cho nên thành ra mát. Không biết xuân ở đâu bằng bạc khắp cảnh vật tươi trong; sông Máng nước đầy, công việc đồng tiếp tục, người đi chợ vui vui; thiên hạ bàn nhau đánh đụng thịt bò, thịt lợn ăn Tết.

Ngàn vạn năm không nói hết cái ý đẹp của đời. Xuân nay, xuân nghìn trước, xuân muôn sau. Bốn mùa luân chuyển đến một điệp khúc hoa. Cứ thế mà trẻ mãi.

Mấy trăm năm trước, Phạm Thái yêu Trương Quỳnh. Như tả cảnh xuân:

*Thấp thoáng thoi oanh dẹt liễu,
Phát phơ phấn bướm dôi mai*

Hoa mai đánh phấn khi con bướm bay qua... Anh học trò nghèo chấy túi mà nhìn cảnh một cách thật phong lưu! Vì là nho sĩ khi xưa, dù nghèo đến đâu, cũng ở giai tầng quý phái. Nguyễn Du cảm xúc tinh vi quá:

Cỏ non xanh rợn chân trời!

Xuân Hương là kẻ suốt đời thiếu tình yêu:

Đá kia còn biết xuân già giận!

Đến Tú Xương, ở thời bắt đầu Pháp thuộc, còn biết có xuân là gì! nên chỉ làm thơ cây nêu tràng pháo, câu đối cái bánh trưng:

*Xuân từ trong ấy mới ban ra,
Xuân chẳng riêng ai, khắp mọi nhà.
Đi dẹt ngoài sân tràng pháo chuột,
Om thòm trên vách bức tranh gà...*

Gần ta hơn, Tản Đà tươi rất héo:

*Tin xuân đến ngọn cây đào
Bảo cho hoa biết ra chào chúa xuân!*

Hoa với xuân đâu có phải là tó với thầy! Gọi hoa như gọi một lũ “chị em”, thật là những câu thơ làm trong thời thế của đồng bạc!

*

* *

Thơ cổ cự của ta xuân ít quá.

Có một ít, thì là cái xuân mùa, đâu có cái xuân lòng. Từ Yên Đỗ trở đi, thơ xuân càng sa lầy trong cái Tết. Cái thứ thơ xuân khai bút, thơ không thơ, xuân chẳng xuân, làm phận sự của trang lịch. Không có lòng trẻ, làm gì có mùa xuân.

Những tiếng xuân thật thắm tươi, có thể nói là khởi lên cùng với “thơ mới” (1932 - 1945). Cái tiếng xuân trong thơ Việt gần đây đã bắt đầu gọi lên với thế hệ những người hiện giờ ba mươi tuổi. Những người ấy lúc bình minh của đời họ, đã cất tiếng hát cái sức trẻ vô cùng ào ở trong lòng. Họ như chim mới, đập cánh bay lên, bay giữa sự sống lồng lộng dạt dào, tiếng họ là tiếng xuân; nhưng chẳng bao lâu họ phải kêu thương, họ là là sà xuống vì cái vui trong nô lệ và trong bóc lột không thể nào vui được! Rồi độc lập và cách mạng đến, họ thấy đây mới thật là trời của họ, họ sửa lông sửa cánh, cất mình cho kịp gió, lại hát những tiếng xuân. Và thật ly kỳ! họ nhận thấy rằng cái xuân bây giờ lại xuân gấp mấy cái xuân trước kia! Một thứ xuân khác đã đẻ ra. Họ cố theo cho được cái tiếng mới, cái giọng mới.

Và thế hệ nhà thơ ấy có ngang vai họ, sau lưng họ không biết bao nhiêu thi sĩ trẻ sẵn sàng thay thế họ, mà chắc cái tài đang nẩy nở sẽ còn chói lợi hơn tài họ, nhất là cái tiếng về sau thì chắc chắn xuân hơn mấy lần.

Trở lại những tiếng thơ xuân. Mùa xuân lăm lăm sắc màu nhưng tả mùa xuân lại rất dễ nhạt. Xuân đi xuân đến mãi, người nào không có lòng trẻ sẽ thấy nhàm. Các bác Mộng Hà trong Tuyết Hồng lệ sử đã chẳng gọi đến cái xuân già đó sao:

*Nhị thă'm màu tươi vẻ mặn mà,
Cánh hồng ghen với chị xuân già...*

Xuân chẳng già, đời cũng chẳng già, chỉ có những lòng già chỉ có một giai cấp già. Phải có cái xuân của sức sống đang lên mới nói được xuân muôn đời của tạo vật. Những bài thơ mùa xuân cần có cái ruột, là tấm lòng người.

Tôi thấy Chế Lan Viên đã có con mắt tinh mới lạ lùng. Có lẽ chưa người nào trước anh đã nhìn thấy một cảnh xuân sắc nét, tinh khôi như mới có mùa xuân lần thứ nhất:

*Hàng dừa cao say sưa ôm bóng ngủ,
Vài quả xanh khảm bạc hờ hênh phò.
Xoan vươn cành khoèo mặt trời rực rỡ
Bên bóng dâm lơ lả nhẹ nhàng đu
...
Đây tà áo chuối non bay phấp phới*

và

Đàn chim khuyên đua nhật ánh dương sa.

Không phải thơ tả cảnh. Thơ mà tả cảnh thì cũng bằng đánh cái bộp xuống đất. Những câu “xuân về” trên đây nói cái non, cái trẻ của đời.

Tố Hữu ca:

*Xuân bước nhẹ trên cành non, lá mới,
Bạn đời ơi, vui chút với đời hồng.*

Mấy câu thơ làm thuở học sinh rất non, rất trẻ.

Huy Cận nhúng tay vào khoảng xanh ở giữa những cành, đón mùa xuân qua lá đang mở áo vàng trong:

*Đời bát ngát vít cành mà hỏi.
Xuân đi đâu trăm lối ngổn ngang?
Tin vui vừa giục lên đàn.
Áo tơ mở cuộc nếp vàng mệnh mong.*

Áo của mùa xuân lượn từng nếp đi tới khoảng vô cùng. Người thi sĩ cũng khoác cái “Áo Xuân” tinh thần:

*Sớm nay khoác áo màu vô định.
Ra gặp mùa xuân đến giữa đàn.
Lá biếc đưa thoi xuyên vĩnh viễn.
Gió là sợi thắm của thời gian.*

Trong quá, đẹp quá! Bát ngát như cả bước đi của cuộc đời.

Nhìn theo nghĩa lớn thì mỗi bước đời là mỗi bước xuân; bước có dận xuống bùn, có đi trong máu, có dẫm xác người thì cũng để đi tới cái vui sống. Dần dần những thơ mùa xuân chuyển từ cái cảnh xuân đến cái ý xuân; từ ngọn lá, cành hoa, xuân đi đến những mặt người; từ mùa tạo vật, xuân thành mùa nhân loại:

*Đây một mùa xuân tới tới gần,
Đây mùa bất tuyệt của muôn xuân;
Hương tình nhân loại bay man mác,
Gió bốn phương truyền vang ý dân
Ôi hài âm mạnh của nhân gian,
Mỗi giọng thân yêu một tiếng đàn
Cao vút từng không, vang vượt núi
Trường Sơn, Hy Mã Lạp, Uran.*

Tố Hữu

Đi tới nhân loại thì xuân bây giờ mới thật xuân không phai, không nhạt; xuân bây giờ mới hữu tình, hữu

ý, mới có tiếng hát, tiếng cười. Xuân một nghìn núi, một vọn sông cũng không cảm lòng ta bằng cái xuân trên những mặt người không đói, không khóc. Thơ cứ càng ngày càng ấm, vì thơ càng người. Và tôi tưởng không một câu thơ nào mà xuân cho bằng.

Chị nổi giậy hồng hồng trên tuyết trắng.

Tố Hữu

Tuyết trắng bao la, “Người Chị phương Bắc” là Liên Xô đứng dậy hồng hồng; sắc tuyết tinh chiếu mặt chị càng hồng ứng ứng; tay chân chị từ dưới tuyết lên trong ngọc trắng ngà; chị đẹp quá, chị mệnh mông to lớn nữa; chị non trẻ, trong sạch, chị đáng yêu. Chị nổi dậy và dựng một gia đình mới với các em. Gần chị, nghe thân yêu, ấm cúng. Chị mở đầu cho một sự sống, chị khai thiên cho một cái đời, chị làm lại thế gian, nên chị rất xuân. Cho hay thơ đẹp ở tứ; câu thơ đẹp ở người Chị trong thơ.

*
* *

Từ mùa xuân tháng Tám trở đi, thơ Việt Nam không còn thiếu máu. Trái lại, máu từ các mạch việc đời chạy về trong thơ. Máu từ cách mạng, máu từ kháng chiến chảy vào thơ mùa xuân cũng thay máu mới.

Mà tiếng thơ xuân, bắt tất phải cứ mùa xuân mới lên tiếng. “Xuân là lúc gió về không định trước - Xuân là khi nắng rạng đến tình cờ...” Xuân không mùa, thì xuân

cũng ở tất cả các sự việc. Miễn là có cái hướng đi tới, có cơ nảy nở, có mầm vui tươi.

Thành phố trụi kia gạch đá sỏi ở trên mình ngổn ngang loang lổ, thế mà vẫn là thành phố sống, và đón xuân:

*Phố đổ vỡ rũ trong chiều gió yếu,
Bỗng vang cười nghe sống lại nơi nơi
Chiều nay nả'ng ngả vàng trời
Em nằm trọn giấc, nôi đời nhẹ ru
Ngủ ngoan trong một mùa thu
Sáng mai tỉnh dậy đón mùa xuân tươi.*

Nguyễn Linh

Đang là mùa hanh, da khô muốn nứt, những anh Vệ quốc đi gặt cốm mới cho đồng bào; sương mù còn trắng non cao, trong ruộng thơm, các anh đã bó từng ôm nếp trẻ; mấy chị sơn nữ tươi tắn cùng gặt miệng um nói cười, tiếng hát thả lên; “mùa cốm mới” là xuân rồi chứ còn gì nữa?

*Rồi cốm lên sàn, xanh rười rượi,
Lửa hồng, củi đượm, chảo rang thơm.
Đêm trắng, chày đập vang thôn bản,
Phấn cốm bay bay phủ lá ngàn.
Đàn trẻ nô đùa quanh cối trắng,
Tiếng ca lay động cả đêm rừng.
Vài anh đồng chí ngừng tay gãi,
Hương cốm, tình dân, thấm dạ vàng.*

Thôi Hữu

Cái cảnh trong nước Cộng hòa, quân dân đầm ấm lạ thường. Đêm trắng xanh mát rười rượi!

*

* *

Giữa chúng ta, bao nhiêu người đã ở rừng? Bao nhiêu người qua rừng trong thời kháng chiến? Những cán bộ quen với rừng, ai đã cảm ơn rừng cho xứng đáng? Rừng run, rừng sốt rét, rừng mắng chửi muối từ thời chúng ta đã có nói. Rừng xinh đẹp nên thơ, các cán bộ thi sĩ chúng ta ở miền Bắc lại chưa nói được, mà Bình Trị Thiên đau xót ở miền Trung có những câu thơ thật xuân!

*Tháng ngày đi nhẹ giữa trời thu.
Nắng sôi cảnh xanh cuốn lướt mù,
Lớp lớp chuỗi rừng chen loáng bạc.
Bướm nhà ai thả nổi hoang vu.*

*Giữa cảnh hoang vu, một mái nhà.
Sàn cao đóng gió lộng phương xa,
Mảnh vườn không ngô, không rào dậu.
Sào sả'n xanh che bóng lợn gà.*

*Trong nhà sum họp những hồn tươi.
Nhựa sống tô duyên nét miệng cười.
Da sạm phong sương thêm rả'n rồi
Ngây thơ hoa đỏ giã't bên tai...*

Lê Khá'c Thiều

Những cuộc đi công tác đã làm nảy nở những nhà thơ chìm lả'ng trong lòng nhiều bạn. Đã “lớp lớp chuỗi rừng chen loáng bạc” lại “ngây thơ hoa đỏ giã't bên tai”. Hoa đỏ bên tai khêu gợi những niềm xuân thứ nhất của loài người, khêu gợi giọng sống trên nguồn mới sa, cãm lại một cái gì non trẻ lạ! Chung quanh, trời, đất cảnh vật chưa già, mấy nghìn năm qua cãm cái xuân lại, chờ khai thác. Người cán bộ qua đây nghe đá reo, trẻ lại với thiên

nhiên... Cái cảm giác xuân phơi phới, đọc thơ rồi khó quên! Và thắm mãi trong trí người, những bông hoa rừng đeo hoa tai hoa đỏ.

*
* *

Ngày kỷ niệm hai năm kháng chiến vừa rồi, tôi bị cái xuân ập tới như đợt sóng lớn vỗ lấy trái tim. Đêm ấy dừng chân ở Thanh Cù (Phú Thọ), tôi thấy ánh đuốc hồng, nghe tiếng loa, tiếng vỗ tay, tiếng hoan hô rầm rập. Tôi bị hút đến chỗ ấm áp đó. Dân chúng đang vòng quanh xem đoàn thiếu sinh quân liên khu III đi qua liên khu X, đêm 19 này thao diễn hiến đồng bào. Trên thửa ruộng to như sân vận động, dưới ánh đuốc, nửa phần giờ cao, mấy trăm thiếu sinh quân quần áo một kiểu, ca lô như nhau, tiến đều như theo thước kẻ. Các em biểu diễn quân sự. Từ kiểu này sang kiểu khác, những thiếu niên rào rào qua mắt tôi, những cờ đỏ sao vàng của đội dướn trong ánh lửa; điệu trống kèn dồn dập lạ thường. Đoàn sóng ấy bước qua, bước qua, tiến lên mãi, tiến lên, đều, đẹp, trẻ, nghiêm, và khi họ đến một chỗ ngoẹo, bỗng nhiên, như giọt suối tuôn xuống dốc, mắt tôi ào ra hai giọt lệ. Thì ra con người bây giờ có cái thứ nước mắt biển, nước mắt vui.

Cái tương lai đang bước kia. Trước sóng đời, mình chỉ là một chiếc thuyền nhỏ. Tôi cảm lại một lần nữa cái dào dạt của bản đàn thế giới. Trong óc tôi cất lên những tiếng dần dần xếp đặt như những lời thơ:

*Tôi là kẻ tình nhân không ngừng, không nản.
Của sự sống bao la không hạn, không cùng...*

Trong phút chốc, mình hiểu được tạo vật luôn luôn cất bước lên đường, luôn luôn sinh hóa, mãi mãi yêu đương. Thấy cái đời nó cứ phôi phới nó lên, lòng mình như nẩy mầm, mọc nụ. Mình mới hiểu được thế nào là một giai cấp trẻ, thế nào là cuộc đời mới.

Nghĩ đến lòng tạo vật vô cùng, đêm ấy tôi nhớ đến những anh chiến sĩ gang thép trong lòng, vào tù ra tội, tóc đã muối tiêu; với triều lên của cách mạng, với cuộc hồi xuân của dân tộc, các anh cả ấy nay cũng có con... Những chú tý hon thì bao giờ lại chẳng đáng yêu mến:

CHÚ TÝ HON

*Bé bé tý hon
Chú con bé bé
Cái mồm tu hú
Cái tay ngo ngoe
Chú chơi
Chú ngủ
Chú bú
Chú ẻ
Ba chú cưng chú,
Mẹ chú chiều chú.
Đến sợ cả chú.
Mà vẫn chưa yên
Chú còn tức giận
Không nghe...
Không nghe...
Không nghe...*

Bùi Công Trường

Người ta xúm quanh chiếc nôi, xem cái kỳ quan của vũ trụ đẻ ra lần thứ triệu triệu... Nó đỏ nau, nó bé tí, nó đáng yêu vì nó bé quá, nó yếu đuối nên nó rất mạnh. Ai nấy cũng chăm chú nhìn cái mầm non da mỏng mảnh lạ thường. Nhưng người biết nhìn sẽ nhìn sự kỳ diệu bên cạnh cái nôi, nhìn lên cha nó. Sự kỳ diệu là “lòng con sư tử thật là lòng cha”. Anh chiến sĩ bấy lâu tranh đấu cho mọi người, cho những đứa con người khác, có bao giờ nghĩ đến con, đến gia đình của riêng mình. Cái lòng gân guốc của anh nhìn chú bé tí hon ở trong nôi, bỗng thấy cái gì mới lạ với anh lắm. Trong lòng anh cũng có một niềm gì ngo ngoe, một niềm mỏng mảnh theo da đứa bé, một cái gì đập đập như những cánh bướm non. Anh chiến sĩ lăn lộn cũng làm cha. Và đó là cái xuân vô cùng của tạo vật.

Tiếng thơ xuân gặp chỗ cái mầm sông cất tiếng oa oa.

20-1-49

THƠ BỘ ĐỘI

Thơ bộ đội. Thơ Việt Nam do những người ít hay nhiều ở trong bộ đội làm. Nếu chúng ta muốn những bài thơ thật của lính, thì phải thơ binh nhì, binh nhất. Những bài thơ tôi nói đến đây, nghĩ kỹ ra, gọi là thơ cán bộ cũng được. Phần nhiều của những anh ở các phòng chính trị, ban chính trị các Khu bộ, các Trung đoàn, Tiểu đoàn, của những anh công tác văn nghệ, những anh chính trị viên.

Thơ lính có một tính chất khác hẳn thơ những cán bộ của lính. Thơ lính chắc thiết, tự nhiên, có cái hướng lành mạnh của bản năng, nhiều khi lóe lên những ánh đột ngột.

Thơ cán bộ của lính đã đến một cái đẹp mới, dòn. Chưa có một tiếng hát nào thật trỗi lên, những cá nhân thi sĩ chưa vượt. Nhưng mỗi người vài bài, có người một đoạn, có bạn mấy câu; muốn nghe thơ bộ đội, ta phải nghe hợp xướng. Cũng như phong trào văn nghệ hiện nay là một bài tính cộng. Những trận nhỏ của từng cá nhân hợp lại thành một trận lớn văn nghệ. Rồi sẽ có những thiên tài kết tinh thời đại mình.

Các anh ấy làm thật nhiều thơ. Thơ của các anh trước tiên là một công tác. Trong cái số công tác thơ ấy,

có nhiều bài, có nhiều đoạn hay. Tôi được đọc vài mươi tập thơ in đá, đánh máy, chép tay. Hội nghị Văn nghệ quân đội 1949, tôi đã đọc vài trăm bài thơ lớn, nhỏ. Trong quân đội cũng như ở ngoài, thơ đến một mực sản xuất nhiều hơn các loại văn khác. Gì chưa biết, chứ thơ có điệu, có vần đọc nghe khỏe cái đã. Trên một số báo, thơ xem chóng hết, không một mẩu. Xem bích báo, thì xem thơ trước. Thơ muốn nói cái gì thì nói thẳng; nếu chẳng dụng tình làm cho bí hiểm, thì thơ chóng cảm chóng ưa. Với lại làm những bài thơ dường như chóng hơn viết những bài văn, nếu có một chút khiếu. Thơ theo tình cảm mà vọt ra, ít phải dụng chạm tới sự vật tỉ mỉ. Rồi đến lúc mà thơ hay, thì nó hay vô tận, vô cùng. Đó là qua loa mấy lẽ khiến thơ phát triển trong bộ đội.

*
* *

Bây giờ thì tôi đi theo mấy nhà thi sĩ của bộ đội để nghe thơ họ, thú hơn là nói cà kê dè ngỗng về thơ. Mấy trăm bài thơ tôi đã xem, để lại trên cuốn sổ tay tôi một số ít chữ, nhưng để lại trong lòng tôi rất nhiều tình. Cái tình thời đại, gồm những tình sủng đạn, tình khói lửa, tình xương máu, tình đồng chí, tình quân dân, tình nước, tình làng... và tình... yêu nữa.

Cái con người mới hẳn phải là một người đa tình. Có yêu nhiều, mới có khỏe lă'm. Không có một lòng yêu đựng cả sông núi, làm sao gánh vác được cái gánh kháng chiến nặng chũu.

Anh bộ đội yêu gần nhất, thì là:

Súng súng ơi,
Súng yêu súng quý,
Súng đẹp súng xinh,
Ta nói thực tình
Ta yêu súng lắm...

...

Cùng chung những phút gian truân,
Nhớ ngày chinh chiến giấn thân giang hồ,
Bên ta súng nổ súng hò,
Súng kêu là một quân thù ngã lăn.
Ngày nay vận động luyện quân,
Ta mang súng tập chuyên cần sớm trưa
Cùng nhau dưới ánh chiều mờ,
Cùng nhau dưới bóng trăng mơ bên đồi
Súng yêu, súng quý, súng ơi
Lòng ta yêu súng như người trăm năm.

Minh Bắc

Anh bộ đội yêu súng như người trăm năm... Nhưng chắc anh chỉ yêu như thế cho đến lúc kháng chiến thành công thôi chứ?

Anh bộ đội yêu nhân hậu. Xem nhiều bài thơ anh, khỏe người như uống thuốc bổ. “Tôi bắn, tôi cuốc tôi đan, tôi trồng. Tôi ăn quả chín, tôi uống nước trong...” Lúc không đánh giặc thì làm lụng, học hành, công việc tiếp tục như bốn mùa. Cái trung đội moócchiê kia là để bắn giặc, mà phải tạm đóng lì vào một nơi, thì có khác gì một chiếc thuyền có chèo, có buồm mà lên trên cạn? Nó ngứa tay, ngứa chân, ngứa súng lắm, nó đành vui vẻ tăng gia sản xuất. Anh Vệ nhà ta nghèo khổ mà lòng rộng thênh! Anh không phải cái thứ người thấy chim bay

chỉ nghĩ đến chuyện bắt nó ăn thịt; anh sẽ còn yêu thương bốn biển nữa kia, anh chữa cái mái đình của dân xong, thấy chim qua anh lại muốn chở che đùm bọc cả nó:

*Mái đình nâu mục thùng
 Tường xiêu cột lao đao.
 Ôi ta, anh em ơi, mau dựng!
 Phên nứa chằng lên chắ'n gió vào,
 Chim ơi mây ở nơi nao?
 Ví chưa có chỗ thì vào ở chung.*

Anh trồng rau, nuôi gà, có phải một chốc mà rau to, gà lớn được đâu? Thế mà bao nhiêu khó nhọc của anh cũng sẽ để xoa hai bàn tay xuề xòa mời dân chúng:

*Tôi chăn đàn gà ri,
 Tôi vun vườn rau cải,
 Bao giờ đông đến thu đi,
 Rau kia tôi hái, gà ri làm lòng,
 Bữa cơm đoàn kết tôi mong
 Bà con đến dự cho đông đình này.*

Minh Tiệp

*

* *

Những bức tranh sinh hoạt còn nữa. Bắt đầu hành quân, cái cảnh *Lên đường* trong đêm sương của Lê Minh có tiếng chân ngựa, tiếng bánh xe, mà vẫn im lặng. Đoàn quân suy nghĩ chuyện gì?

*Đêm hôm nay khi cú rúc chào sương,
 Từng đoàn người thâm lặng tiến lên đường;*

*Trong gió rít bánh xe lăn khắp khênh,
Vó câu tập tễnh
Dặm thẳng gập ghềnh,
Cờ phát phơ sương trắ'ng phủ mông mênh,
Đoàn người, ngựa đi như trong giấc mộng.
Lên đường! Lên đường!*

Lê Minh

Hồ Phương gọi được rừng, và sương, và trăng, và lạnh, cái cảnh đợi chờ trận thu đông để đánh giặc mà sao khung cảnh quanh mình lại có thi vị, mấy câu thơ vắng vắng tiếng thu đông:

ĐỢI THỪ

*Gió đã lạnh, cây rừng thêm trút lá.
Đêm khuya, sương đã buốt cả làn da,
Mảnh trăng treo úa rụng lúc canh tà;
Ta thấy cả một mùa đông đang tới.
Một mùa vàng rười
Một mùa gặt gao.
Quân thù ơi, đây đã'p lũy đào hào
May áo ấm chờ quân mi kéo tới.
Mùa đông này rét dọi,
Đường hanh khô nứt nẻ đón chân đi,
Suối trong giòng, nước cạn chảy lằm lì,
Rừng rét mướt xơ tóc chờ đợi mãi...*

Anh chiến sĩ lăm lăm giết giặc, nhưng đi qua giữa tạo vật, chẳng lẽ lại không cảm, không nhìn như một nhà thơ... Ba câu sau cùng kêu gọi lă'm.

Rừng, và lạnh, chiến sĩ nói đến nhiều lần. Mùa hè năm nay đã bắt đầu nóng nóng ghê, tôi xin đem trở lại một ít lạnh của mùa đông vừa rồi, để các bạn thấy mát mát. Ta thấy trước mặt một đoàn quân đang ngủ dưới đêm trăng lạnh, trăng dội vào những gợn chăn, có lẽ thân các chiến sĩ đã liền với những rãnh cây! Lặng yên, lặng yên, và lâu lâu lóe lên một ánh thép.

ĐÊM RỪNG ĐÔNG BẮC

*Sương trút qua làn gió lạnh đưa,
Trăng ngàn lọt xuống lá rừng thưa
Có đoàn binh sĩ đêm nay ngủ
Say máu xương về giấc mơ.
Hơi núi bao la ngát oán hờn
Trời khuya gió bắc réo từng cơn,
Run run trong tấm chăn đơn mỏng
Giấc mộng đao gươm thoảng chập chờn.
Súng đâm sương, nóng thép lạnh tê
Gươm dài lấp lánh ánh trăng khuya...*

Vũ Hoàng Chương

Rét như thế đã thấm gì! Xin mời các bạn ngâm mình vào nước đá:

*Núi rừng ơi!
Người vệ quốc
Đêm nay lạnh lẽo,
Nằm ngủ giữa rừng,
Manh quần nâu bạc,
Chiếc áo vá lưng.*

*Gió thổi qua thung.
Lùa vào thớ thịt.
Lạnh run người, lạnh từ ở trong ra,
Buốt tê thớ, buốt qua lòng đồng chí.
- Rét lắm, ơi người chiến sĩ,
Chân tay tôi buốt cóng run rồi...*

Hữu Tâm

Tài quá! Nói cái lạnh đúng quá, thậm thía quá, mà tôi run giữa mùa hè! Lòng tôi có bình thường nữa đâu; nó run bật lên, vì anh bộ đội của tôi lạnh gần chết.

Người ta thường bảo anh Vệ quốc quân vui đùa trong cái khổ. Nhưng có ai ngờ rằng anh lại có duyên đến thế, trong cái vui đùa. Anh rét tập đoàn thì sẽ bớt rét:

NỬA ĐÊM

*Ba người một cái chăn bông
Năm thẳng cũng khổ, năm cong cũng phiền
Đã'p dọc thì hở hai bên
Đã'p ngang thì... "lạnh như tiền" cái chân.*

*Mặc cho con tạo xoay vần
Thịt da ta lại đã'p lần thịt da
Thằng nghiêng nằm giữa thằng cò
Ba thằng quặp chặt gió lùa vào đâu?*

*Nửa đêm sương gọi mái đầu
Chòi cao phần phật mây tàu lá khô
Bộ đội nằm giữa rừng già
Gió về thức tỉnh giấc mơ giết thù.*

Lê Kim

Đến bức tranh sinh hoạt này, anh bộ đội hiên ngang thật. Gió thì rét, chăn thì thiếu, mà thơ cứ tươi, cứ ngọt như không. Ba người lính khéo đả'p một cái chăn, làm tôi nhớ đến ca dao đả'p chăn bằng cái lá:

*Một mình đả'p một lá đa,
Khéo che thì ấm, lợ là... (vân vân).*

Mà ấm đến như câu thơ: “Thịt da ta lại đả'p lần thịt da” là cùng, chứ còn ấm đến đâu nữa?

Trong gian nan lao khổ, đội biệt động đường số 9 ở Quảng Trị, sau khi vỡ mặt trận Thừa Thiên cố gây lại và đã gây lại được cơ sở. Bạn Hồng Chương trong đội ấy ghi cái đời bộ đội:

*Trưa nghỉ: suối nước trong chón mát.
Bộ áo quần độc nhất giặt phơi;
Tã'm xong vội khoác vào người,
Lên đường hỏi hã theo lời nước non.
... Gà rừng gáy báo đêm gần sáng,
Biệt động quân sửa soạn áo chăn:
Phiên ai nấu, nấy lo chăm.
Cơm chiều vét lại, còn: ăn lên đường.
... Đường trơn giốc gió mưa tầm tã
Chân bước lằn núi đá cheo leo,
Lom khom ngã chúi, dậy trèo,
Sén đo dưới vế, nhoang⁽¹⁾ đeo trên mình...*

Tiếc rằng Hồng Chương nhất loạt chỉ dùng toàn một điệu song thất lục bát, là một khổ thơ cứng nhắc; âm điệu sẵn có của khổ thơ ấy cứ đều đều, xă'c xă'c át cả nhạc có thể có của tâm tình. Những hình ảnh, chữ, lời,

(1) *Nhoang*: một thứ vấ't.

cũng bị khổ thơ ấy nuốt gọn. Điệu song thất không nêu lên được những sáng tạo của nhà thơ.

Bộ đội hành quân, trú quân, đi qua rất nhiều làng, bản. Một khi ở, một khi đi, để lại bao nhiêu cảm tình với nhân dân; nhân dân ở lại, nhớ tiếng hát tiếng cười của anh em bộ đội, nhớ các kiểu súng, nhớ con đường anh quét, cái giếng anh khơi; mà bộ đội ra đi nhớ tiếng xay lúa, giã gạo trong làng, nhớ tre, nhớ người; anh ở khắp cả mà không đứng nơi đâu, quyến luyến trong lòng nhiều quá!

LÀNG

*Chiều nay ngồi đây trên gò đất
Nhìn xa mờ nhạt những chòm tre.
Bao tên thôn xã đang vắng vắng,
Xúc động trong lòng, tai lă'ng nghe.*

*... Ta nhớ bao làng, bao bộ mặt,
Làng cười duyên nở ánh hoa tươi.
Làng nghiêm tường gạch cau lên vút,
Làng mát ao trong, vệt trắng ngời.*

*Làng như hoang đảo giữa đồng xanh
Mùa nước thuyền con lướt bập bênh.
Làng leo sườn núi như nong úp
Nương chè bãi sả'n trải xung quanh.*

*... Chiều nay ngồi đây trên gò đất
Nhìn quanh mờ nhạt những làng xa.
Bao lâu khói lửa trên xa cách,
Xúc động trong lòng nhớ chốn qua.*

*... Những làng mến yêu, ôi nhớ nhung.
Nhìn xa, nhìn theo xa... sương buồn.
Phai nhạt hàng tre, chẳng nhạt lòng.
Xin dâng máu thắm, hẹn thành công.*

Ngọc Toàn

*
* *

Tôi đã muốn trích nhiều thơ chừng nào tốt chừng ấy.
Đấy đúng trường hợp câu thơ Tỳ bà hành “*Dấu chưa
nên khúc, tình đã thoảng hay*” Tình mới thoảng hay thôi
và thực chưa nên khúc. Trong văn nghệ, nhất là trong
thơ, cái địa vị của những cá nhân văn tài rất quan yếu.
Văn nghệ không phải cứ mãi là phong trào mà được; văn
nghệ không chịu cái sần sần. Phải có những tài năng,
những thiên tài rõ rệt; những tài ấy do quần chúng, do
phong trào đẻ ra, nhưng phải cất lên những tiếng thật
đặc biệt, thật cá tính, thật bản sắc.

Chúng ta yêu tương lai, chúng ta yêu những lời hứa
hẹn, chúng ta hoan nghênh chào đón những tiếng thơ ở
trong bộ đội. Những tiếng ấy bây giờ mới hay ở chỗ lành
mạnh, xác thực. Ngày mai đây, còn phải rung nữa, rung
nữa, sâu thêm, đẹp nữa và sắp sẵn để từ trong bộ đội
ra đến tất cả nhân dân, làm những nhà thi sĩ của tiếng
Việt, những thi sĩ Việt Nam.

15-5-1954

VỀ QUỐC LÀM THƠ

Chúng ta ai cũng đầy thiện cảm với người con mới trong gia đình văn chương nghệ thuật: anh thanh niên Văn nghệ quân đội đi chân lính, hát quân hành, đội mũ sao vành, vác và hút badôca... Anh ta viết chưa giỏi đâu, hạt sạn còn nhiều lắm; nhà văn bên võ ấy cầm súng tay phải và cầm bút tay trái. Nhưng ai cũng thích nghe anh, vì ai cũng yêu chuyện chiến trường. Anh đánh giặc giỏi, đời anh sống ghê lắm, anh làm cực, ăn khổ, anh đi nhiều, thấy nhiều, tâm hồn anh chắc nhiều cái mới lạ... Thế là anh lại *bắt đầu sáng tác*. Bắt đầu nghĩa là hứa hẹn, nghĩa là công chúng còn ở thái độ hoàn toàn trông mong.

Các báo chí đã đăng nhiều thơ bộ đội, của các cán bộ. Những bạn làm thơ đây đã có cốt văn nghệ sĩ. Có thể nói những bạn này, trước khi vào quân đội, đã là những học sinh, những sinh viên, những công chức, những thanh niên đã làm thơ ít nhiều, hay là vốn sẵn yêu thơ. Đến lúc vào các phòng, các ban chính trị, công tác văn nghệ thúc đẩy, các báo quân đội đòi hỏi, lại thêm tư riêng xúc động, các bạn gặp điều kiện để cho tiếng hát ngày xưa tiếp tục trên một điệu mới, hay nguồn tình cảm tiềm tàng từ trước, bắt theo sự việc mới mà phát

ra thơ. Vậy nên thơ bộ đội của các cán bộ không khác chi xa với thơ văn nghệ sĩ.

Muốn tìm thơ thật có giọng bộ đội, ta phải lấy những thơ của quần chúng bộ đội: là thơ của đội viên, thơ binh nhì.

Thơ cán bộ là của những người trong giai cấp trung lưu, thơ đội viên là của thợ thuyền, dân cày; tối đại đa số là của nông dân. Cho nên xem thơ đội viên ta thấy một lực lượng to tát, xù xì đang giậy. Nó chưa thật giậy về phẩm, nhưng về lượng, ta cứ tưởng tượng mấy chục vạn nông dân từ chỗ chân lấm tay bùn i tờ thưa thớt, đến chỗ cầm bút tập sáng tác văn nghệ: chỗ này câu văn, chỗ kia câu thơ, tôi tưởng như bao nhiêu bích báo nó rầm rầm, rộ rộ, rào rào...

Rồi những cái giọng nham nhám như vỏ cây cất lên hát. Hát liên miên. Hát tha hồ, hát bập bẹ bằng vần bằng điệu, như những con chim đậu trên cành thỏ tiếng, cổ họng con chim gập ghềnh thỏ thách giữa những tiếng trầm tiếng bổng, tiếng trắ'c tiếng bằng. Những bài thơ đội viên không chọn lọc gì cả, gập cái gì cũng cố hát thành bằng thành trắ'c, cốt nhất thành hình bài thơ. Làm cho có điệu có vần, tức là thỏa mãn cái ý muốn ca hát. Những bài thơ ấy nó nói: "Chúng tôi là một lực lượng tiềm tàng đang lên. Chúng tôi từ dưới đất lên nở hoa ra mắ't. Chúng tôi âm thầm muôn đời thao thức. Bây giờ cục đất vỡ tung ra nguyên tử, bây giờ nhựa mới bật những gỗ khô. Bây giờ những bàn tay sần sùi nói chúng nó muốn gì..."

Một anh Vệ quốc xung kích An Châu, đã tử trận; có làm thơ tặng chiếc gậy tre của anh. Anh gọi nó là "mộc

mạc lù dù”. Nhưng nó đánh được thực dân chết. Thơ đội viên cũng mạc lù dù như chiếc gậy tre ấy, nhưng nó cũng khỏe như câu cuối của bài *Gậy tre*:

*Chúng ta chỉ có câu này,
Thề cùng giặc Pháp có mày không tao.*

Thơ đội viên đang ở trình độ bản năng, cái bản năng chắc chắn của những sức lực vật chất. Bản năng ấy ở trên hướng đúng của sự vật. Nó chưa đủ, nó sẽ tiến dần đến bậc ý thức. Nhưng hiện giờ nó giúp ích cho ta và cũng chỉ lỗi cho ta. Chúng ta không tin ở cái trí thức lắt léo, quặt quẹo, kỳ khu vì lên cao mãi, lọc kỹ mãi, mà rời hẳn sự sống, lơ lửng như ma trời, nở những cái hoa phong lan yếu mạng. Chúng ta không tin ở cái trí thức rất tinh vi, nhưng thơm mùi tử khí của hệ thống tư tưởng cũ, nên vui vẻ tìm học những bản năng còn non, còn trẻ, đầy căng sức còn mới từ dưới đất lên. Trên nền bản năng khỏe khoắn kia, sẽ nảy nở xây dựng một cái trí thức chắc, mạnh, khác với cái trí thức đã tan. Chúng ta học những bài thơ của đội viên vì lẽ ấy.

Trước hết ta thấy rằng rất nhiều bài chẳng có gì là thơ hết. Một phần lớn khác có tính cách bập bẹ. Song le, hăng chỉ mới là những bài số chữ đều đặn và có vần, chừng ấy cũng đã tỏ cái ý muốn ngâm ngợi, ca hát của các anh đội viên.

Vì những bài có điệu, có vần nghe thánh thót vui tai, ru người. Nếu cùng lắm nó là một sự xếp chữ, thì cũng là một lối chơi thông minh! Những anh đội viên làm được những bài có vần, có nhịp, gọi là “thơ”, các anh thú lắm. Rồi trong những cái khuôn ấy, sẽ có tình, có cảm chứ.

Tưởng tượng xem, những chuyện sinh hoạt thường thường trong ngày bộ đội, ngỡ là chuyện xong rồi thì bỏ đi, ấy thế mà đem vào thơ! Mà lên khung, đóng kính trong những cái bài hay hay, thích thích. Lên khung như thế, tưởng chừng nó sống lâu hơn một chút, và nó đậm màu, đậm vị hơn lên. Anh bộ đội trước tiên hãy bắt vắn các mẫu đời cái đã!

Đây là một anh cấp dưỡng mang cơm ra cho các anh em phục kích đến nơi gặp lúc ta và giặc đánh nhau dữ dội. Anh lo, anh buồn vì không mang được cơm ra cho anh em. Vậy có thơ rằng:

CẤP DƯỠNG BUỒN

*Anh em phục kích bên kia đường,
Cấp dưỡng hàng ngày vẫn tiếp lương.
Một buổi lễ thường tôi thủng thỉnh.
Chân bước đều đều với gánh cơm.
Chợt tôi đầu đường cây số sáu,
Tiếng súng giao tranh nổ âm âm.
Lòng tôi chết điếng dừng chân lại,
Hạ gánh thù người đứng nghĩ suy.
Vì cơm mang ra không được nữa,
Bộ đội hôm nay phải nhịn... phèo.
Lòng buồn, nhiệm vụ chưa trọn vẹn,
Nên các anh em bị đói meo.*

Đây là một cảnh súng của ta bắn máy bay địch, linh hoạt mà cũng lộn xộn:

*Âm ầm phóng pháo ba cái tới,
“Đui sét”, “bô ninh” khạc đạn liền,
Súng cối xuống hố vĩnh tai nghe,*

*Súng trường lên đạn cũng toan bắn.
Nhưng lệnh chưa cho hóa phải ngừng,
Ngày mai còn đến đây phải chết.
Tan xác chúng bay với "linh ba", (103)*

Đến khi vẽ anh Vệ quốc làm những công việc nông gia thì đã hiện được trước mắt:

*Anh Vệ quốc quân.
Vai mang cây chuối,
Vén áo xắn quần.
Trên đầu anh đội,
Thúng cám lợn ăn.
Chiều chiều lại nhớ đến chiều,
Nhớ anh chiến sĩ bên đèo chẵn trâu...*

Hòm đạn nặng nề, được gọi tên mãi và trách yêu:

*Hòm đạn, hòm đạn,
Anh đề vai tôi,
Hòm đạn, hòm đạn
Vai tôi đỡ rồi.
Hòm đạn, hòm đạn,
Áo tôi rách tôi!
Hòm đạn, hòm đạn,
Năm luôn bên người.*

*

* *

Con mắt anh đội viên là con mắt của dân chúng, nhìn cái gì là nhìn thật cụ thể, thật lộ, thật tả chân; lúc kể lại thì phải kể có đường nét, sắc màu, cử động. Muốn chế một bạn đồng đội đã hứa bỏ thuốc Lào mà cầm

lòng không đậu, còn lên đi hút trộm, thơ vệ quốc quay ngay một đoạn phim con: cái anh chàng ăn lên thuốc lào phải diễn lại trong thơ cả cái tuồng vụng trộm của anh, không sót một cử chỉ:

*Giữa buổi đang trưa,
Anh em vǎ'ng cả,
Anh ra góc ngõa,
Lấy lá cuộn tròn
Như con sâu chết;
Anh liền đánh đét,
Cái diêm bật xòe;
Anh còn nghe nghe
Có ai không đã,
Anh liền vội vã
Đưa luôn vào mồm,
Trợn mắt làm luôn
Một hơi thẳng dứt!...*

Ở chỗ này, đúng cái bản tính hay chế diễu của dân tộc ta; muốn cười ai, thì ca dao chọn những nét rõ ràng nhất, tởm mỷ nhất. Anh chàng nghiện thuốc đã lấy lá cuộn tròn, lại đánh đét cái diêm... lại còn nghe nghe, rồi đưa luôn vào mồm, hút mà trợn mắt...

Đôi khi có những anh Vệ quốc mang rớt trong bụng cả một ông đồ. Ông đồ muốn nói cái gì, thường làm thơ bảy chữ; tám câu, năm vần, ở giữa có hai câu đối. Chẳng có gì là khó khăn lắm đâu, nếu ngày xưa có theo học một cụ đồ, thì anh Vệ quốc cũng làm anh đồ được. Trong bộ đội cũng xuất sinh những bài thất ngôn bát cú nghiêm chỉnh lạ lùng, mà lại hóm đáo dễ. Người ta tưởng nghe Tú Xương, trong bài anh Vệ quốc chế bạn:

*Hay ăn, hay ngủ, chẳng hay lo
Không đọc, ai người nhét chữ cho.
Giờ nghỉ chắp tay ngồi ủ rũ,
Đêm nằm ngửa mũi ngáy khi khò.
Đi đâu nháo nhác cao chân sếu,
Thấy gái qua sân nghển cổ cò.
Biết dốt nhưng mà không chịu khó,
Chữ như gà bơi, học như bò.*

Có lúc anh Vệ quốc thông thái quá. Anh thu xếp những câu, những chữ thật là khỏe. Những người pháo binh làm một bài về các cỡ đại bác, biết lợi dụng câu “quả mai ba bảy” để nói đến đại bác 37 ly, dùng câu “trăm năm trong cõi người ta” để gọi tới khẩu đại bác 105 ly:

CA NÔNG THỦ THỈ

*25 em vẫn nằm chờ.
Anh chàng nào sát gần bờ em lia.*

*Quả mai 37 con con,
Rơi vừa đúng chỗ đâu còn xác Tây.*

*Cút mau hỡi bọn Pháp già,
65 bà cũng đủ va bỏ đời.*

*70 chống gậy trèo non,
Tuy nhiên thiếp vẫn hầy còn duyên tơ.*

*75 em vẫn chưa già,
Em còn để được một vài trăm viên.*

*90 em vẫn được chàng,
Nếp mình bên bến tràng giang lững lờ.*

*105 trong côi người ta,
Tới đâu giặc khiếp mới là người ngoan.*

*

* *

Loại thơ sinh hoạt và thơ đùa vui còn ở cái tầng sơ đẳng. Anh Vệ quốc nói đến sự sống của mình thấm thía hơn, rung động hơn trong loại thơ tâm tình. Thơ là điệu của tâm hồn; những lúc anh bộ đội để tâm hồn trong thơ, thơ anh có một thần thái đặc biệt. Khi những anh pháo binh nói “Lời thề đã nặng trên vai”, người ta thấy không phải là một chuyện hời hợt nói dăng mồm. Lời thề giết giặc của các anh cụ thể lắm, các anh chảy mồ hôi vác nó ở trên vai, nòng đại bác nặng chừng nào lời thề càng thấm vào xương vào thịt chừng ấy.

Những anh lính bản chất nông dân có một cái đà sống khỏe mạnh lạ lùng. Anh đi giết Tây, mà nói như anh đi gặt đi hái. Khi anh bảo: “Tiến lên sác giặc ngổn ngang - Tôi lấy súng giặc tôi mang về nhà”, tại sao ta thấy như anh đứng giữa một cánh đồng lúa chín, có cái gì đầy rẫy được mùa.

Anh reo anh thích, anh mang súng giặc đầy vai, mà anh lại đem về nhà kia, nhà của anh là chỗ đóng của trung đội hay tiểu đội; cái chữ *nhà* hiền lành, có hậu. Những câu lục bát của anh mát mẻ; hùng một cách dễ dàng, tự nhiên.

Nếu ta tạt ra ngoài đề một chút mà sang thăm thơ của du kích, dân quân, ta cũng gặp một cái sức mạnh mẽ dễ dàng như thế. Quân đội của nhân dân tự tin sức mình như một với một là hai, chẳng có gì khoác lác, vênh vang cả; giọng nói cứ ung dung! Việc đánh giặc, theo bài thơ này, chẳng có gì mà phải rối trí:

*Tôi qua ruộng lội đầm sâu,
Lần vào trại giặc, lấy đầu đũa canh.
Đốt luôn một giấy nhà tranh,
Ném vài lựu đạn dùng đoàn dờn chơi.
Ung dung tôi lại rút lui,
Kinh hồn mất vía giặc chui xuống hầm.
Phóng ra moócchê âm âm,
Suốt đêm bắn phí chẳng nhằm vào đâu.*

Con nhà võ, các anh Vệ quốc thích cho tiếng súng vào thơ, nó nổ đến giết mình! Tiết thu đông vừa qua, cả nhà Vệ Tút, vợ chồng con cái nghĩa là anh đội viên, súng, và đạn đều “xôn xao chuẩn bị om xòm, đợi ngày ra trận đom đòm xung phong”.

Cái quyết tâm của tiếng súng nổ. Cái quyết tâm của cả sự lặng yên. Anh Vệ quốc có những câu lạnh như tiền, nói thản nhiên, quả quyết, không cần phải kêu to gì cả:

*Lúa vàng em gặt bằng liềm,
Thục dân anh giết bằng viên đạn đồng.*

Lúc chảnh chảnh thì “thành đồng tổ quốc”. Khi tâm tình thì này anh Vệ quốc kể chuyện thật cho mà nghe:

*Hôm qua tôi còn ở nhà,
Sống chung vợ dại, mẹ già, con thơ.
Quanh co chuồng lợn, vườn dưa,
Đuổi gà, bế trẻ, ngủ trưa, nói liêu.*

*Hôm nay tôi đứng trong lều,
Bạn cùng súng mứt, ôm yêu đạn đồng.*

“Tình gia thất nào ai chẳng có”, có khi anh Vệ quốc cũng nhớ vợ, nhớ con. Một đội quân mạnh nhất cũng là một đội quân nhiều tình cảm nhất nhưng là cái tình cảm đứng đả'n, ghì nén lại làm thành một động cơ mãnh liệt. Ta thấy hiu hiu mát mát, khi nghe người chiến sĩ dịu dàng:

*Ngày về thăm mẹ còn lâu,
Phương Nam xa thăm lặn màu trời xanh.
Đêm khuya đứng gác một mình,
Lòng con chan chứa nghĩ tình quê hương.*

Đó là mối tình nhà. Anh Vệ quốc đã yêu thì yêu thấm thía, chân thành. Cho đến tình người Vệ quốc yêu súng, cũng thiêng liêng và thủy chung; anh có thể chết nhưng súng anh không thể mất:

*Yêu em là ý chí chung,
Bao nhiêu Vệ quốc đã cùng thi gan.
Chiến trường dù chết cũng cam,
Nhưng em, anh hãy cố mang về nhà.*

*
* *

Chúng ta đã xem một ít bài thơ của anh lính tiên phong, của anh bộ đội bản chất công nông, nhất là của anh nông dân bộ đội. Về phương diện thơ, những tâm tình chưa được bày giải, những rung động cũng chưa được tinh vi; có thể nói: chưa được thơ cho lắm. Nhưng xem thơ đội viên, ta phục nhất cái hướng sống chắc nịch,

cái chiều đời không nhằm lẫn chút nào. Chúng ta là một thể hệ đi tìm cái khỏe, nên ta yêu những bắp thịt những đường gân của thơ bộ đội. Ta yêu cái sần sùi chưa chải chuốt, ta yêu cái sức lực sắt đồng trong giọng nói nhiều khi “dùi đục”, ta thích những tảng đá to, lăn ra là cả một ngọn núi bước đi. Chúng ta thừa biết rằng: chừng ấy thơ chưa thực phải là văn nghệ; chúng ta nhìn một, mà thấy hai, ba; đọc những bài thơ mộc mạc, gồ ghề, ta biết đó là những bản giáp cường tráng của những bài thơ lộng lẫy mai sau. Đó là những bản giáo đầu, khi lực lượng sáng tác của quần chúng mới chỉ vừa được tháo cởi. Hiện giờ những thơ của cán bộ của lính cũng đã học được một phần cái lành khỏe của lính. Giữa những đội viên đến từ xưởng máy, đồng ruộng, sẽ phải xuất hiện những tài năng kết tinh những ưu điểm rải rác trong mọi người. Như vậy thơ của quần chúng bộ đội sẽ bằng được thơ của quần chúng nhân dân là ca dao.

15-6-49

THƠ TRONG CHIẾN DỊCH SÔNG THAO

Anh bạn thơ của tôi trở về sau một cuộc đi ba tháng, nă'ng đốt hăy còn sém mặt, người sắ't lại như tập trung các tế bào, kể cho tôi nghe, truyền lại cho tôi cái điện văn nghệ trong những cuộc hành quân và những trận đánh sông Thao. Anh đã giúp những người đội viên làm thơ, khơi mạch văn điệu giúp họ. Bạn tôi có dịp cụ thể gần những anh Vệ quốc, chứng kiến công việc sáng tác của họ lúc mới ra nguồn.

Một anh cán bộ trung đội công binh nói: “Hành quân, để đội viên làm thơ, thì họ quên mệt”. Trong lúc cố tuân những ý nghĩ của họ vào trong những khuôn có vần, có điệu, những đội viên của chúng ta tự ý thức mình. Có phải chỉ là chuyện bắt vần mà thôi đâu. Muốn cho những ý nghĩ thành những câu tiết tấu nhịp nhàng, cần phải nắm rõ những ý ấy, cân nhắ'c chúng, tìm những chữ ăn ý để diễn tả ra. Công việc đó, dù thô sơ đến đâu, cũng cần một tối thiểu sáng suốt. Ban đầu theo phong trào đua anh đua em, tưởng làm chơi. Đến lúc làm thơ rồi, thì thành một nhu cầu. Anh đội viên cần sáng tác.

Với họ, không đặt ra vấn đề “viết cho ai”. Họ viết cho mình, nhưng cái mình đây là cái mình to tát của đại

chúng. Và viết để làm gì? Để thêm ý vị cho công việc làm, để giải trí, để nâng cao giá trị con người. Các anh đội viên của ta có ý thức về danh dự. Họ thấy họ có phần, có vị trí trong toàn thể. Trong cái điều to lớn chung, họ thích nhấn vào những đặc điểm riêng. Đến bây giờ họ không bằng lòng người ta chỉ nói đến người Vệ quốc quân tổng quát mà thôi. Mỗi người Vệ quốc quân muốn binh chủng của mình được đề ra với công dụng, với đặc sã'c của nó. Anh muốn trong văn thơ, trên bích báo, trong bài hát có nói đến từng trợ chiến hay công binh, và trong công binh, anh thích được nói đến từng đội badôca hay đội bộc lôi.

Những anh đội viên thích làm thơ thì làm, không định làm thơ để thành thi sĩ. Thơ của họ là nguyên chất sự sống của họ. Họ không tách thì giờ làm thơ với thì giờ làm việc. Óc họ nghĩ, lòng họ hát cùng tay họ làm. Sinh hoạt của anh em rất dồn dập, nên lúc làm thơ cũng hỏa tốc. Và súc cảm của họ không dài hơi. Họ không thích nghĩ lâu. Họ thích nghe, nhìn, hát, hơn là đọc.

Bộ đội của chúng ta đã tự làm lấy thơ để nói đủ thiên hình vạn trạng của mình trong chiến dịch sông Thao. Thơ đã làm được một công tác chính trị, làm cái nhiệm vụ động viên, giải trí. Thơ đã có một chút ích lợi vào chiến dịch, vào cuộc đời, sự ấy làm vinh dự lây cho tất cả những thi sĩ.

Vậy thì những trung đoàn, tiểu đoàn của ta đi đánh ở Tây Bắc đã làm rất nhiều thơ. Trong một quãng 15 ngày hành quân chiến đấu, mà một đơn vị làm 350 bài. Trước khi tiếp tục hành quân, trong một giờ, buổi trưa, cả một trung đội, đại đội làm thơ. Ở chỗ nghỉ ấy, những

anh lính thi nhau thơ. Họ chia từng loại: badôca, nôi chảo, mìn, bi đông, v.v... Những anh badôca làm xong, đọc lên với nhau, những anh cấp dưỡng cũng vậy. Bình thơ lên, cả đội chấm. Những bài hay nhất được chép lên bích báo, do những anh chuyên môn viết. Giải thưởng: thưởng nhau một điếu thuốc lá, đủ rồi. Có những khi không kịp thì giờ hay không đủ chỗ bích báo, thì làm báo môm: tập hợp nhau, đọc lên, ngâm những câu thơ giỏi nhất. Rồi hàng trăm những mảnh giấy dán lên bảng súng, bi đông, lên dao tông, lưỡi mác, lên nôi, lên chảo, lên ba lô, lên badôca, đui xét... Thật là vui! Mấy hôm sau lại thay một loạt thơ mới. Phong trào làm văn, làm điệu thịnh đến nỗi có người nói khoác rất có duyên:

*Trời mưa nước thấm qua vai,
Uớt người, uớt cả mấy bài thơ hay.*

*
* *

Làm thơ để mà sống ngay cái thơ trong chiến dịch, công việc tự cung tự cấp ấy tự nó đã đầy đủ rồi. Nhưng mà trong cái năng xuất thơ bọn bễ, của cả những chiến thắng Đại Bực, Đại Phác, Dóm, Khe Phì, Ngòi Mác, Phó Ràng... ấy, hãy còn lại nhiều câu đáng ghi nhớ.

Theo cái tác phong tự nêu cá tính, các đội phải cho vào trong văn thơ cái đặc biệt của mình. Đoàn địch vận ca tụng cái khí giới hòa bình vẫn dùng chung với các ông thông tin:

*Ta là môm giải mếp loa,
Ta nói liền thoả'ng ba hoa kinh hồn,*

*Ta nói thì giặc phải tan,
Giặc ra giặc hàng bộ đội ta ngay.*

Những anh xung kích còn lấy mắ't đo lại cây mác, và
tưởng tượng nhanh như chớp:

*Gậy này dài đúng thước năm,
Trên đầu cắ'm lưỡi dao tông sáng ngời.
Đôi ta sát cánh liền vai,
Súng ho, tôi nín một vài ba giây,
Mong sao ho đúng thẳng Tây,
Tiến lên ta lắ'p lưỡi này xung phong.*

Còn anh tiếp tế, đã một lần đổi tên là anh hỏa thực,
rồi được trọng vọng làm anh cấp dưỡng, thì lo toan với
một giọng ca dao chính thống:

*Bảy đồng đấu gạo, ai ơi,
Bốn đồng chén muối, thì tôi mất tài.
Ai đi đâu đấy hỏi ai,
Thực dân còn ở thì mình đói lây,
Cố lên đuổi giặc về Tây,
Cái ăn hàng ngày ta sẽ dễ mua.
... Hôm nay có món cà chua,
Ngày mai độc nhất lại mua chua cà.*

Có những đội đồng dặc đề tên tuổi mình trong những
lời tự nhủ:

*Đoàn quân 24 chúng ta
Tình sương mờ sáng vượt qua đèo này.
... Anh em 24 ta đâu,
Phen này có thể dẫn đầu được không?*

Có những anh ngang ngổ một cách rất đáng yêu:

*Ta là anh Vệ quốc thủ đô,
Con cháu nhân dân, lính Cụ Hồ;*

*Cộc hăng, đóp khôe, tha hồ quấy;
Đánh mạnh! Trở về chiếm Thủ đô.*

Những tiếng “cộc”, tiếng “đóp”, tiếng “quấy”, có tiếng “đánh” đi theo sau, lộp cộp như tiếng nện gót trên hè phố.

*
* *

Vất vả vì đường dài. Vất vả hơn vì nắng giữa hè. Người ta đã đề cử mùa đông kháng chiến lạnh nhất là trong trận Việt Bắc 47, và mùa hè kháng chiến nóng nhất là trong chiến dịch sông Thao. “Hai ven đường sắt dài ngao ngán”... Theo con đường cũ của xe lửa, lộp tùm hùm kéo nhau đi giữa hai tường đá dựng nung đỏ. Những mảnh đá thanh của nền đường sắt nhon lồm chồm, phải xé giẻ mà bọc chân mới đi được.

*- Một không cậu?
- Khướt chưa mày?
... Nước da anh tái tái,
Má tôi lồm sâu sâu...*

Nắng quá, tránh nhờ vào những nhà may măn gặp giữa đường. Mà cũng nhờ nắng quá, nên mới được biết những bà bầm Việt Bắc. Đây là tình mẹ con, hay là tình tổ quốc?

*Bầm ơi, hôm nay trời nắng gắt,
Trên đường đất tựa như thiêu.
Con vào đây chờ bóng xế chiều,
Đến nhà con gặp, con yêu lòng bầm.
... Chúng con xa cửa xa nhà*

*Bầm cho nước uống cho nhà con ngồi:
Thấy con, bầm nói bầm cười,
Tuồng rằng bầm gặp con nuôi của bầm.
... Bầm là mẹ của đoàn Vệ quốc,
Con là con của nước Việt Nam.
Thương con, bầm cố bầm làm,
Thương bầm, con quyết diệt tan quân thù.*

Nhưng ngày nă'ng, thì đêm trăng lại thường trong.
Các chiến sĩ xuống ngồi thuyền gọi cho tôi một đàn chim
chíu chíu trên giây thép:

*Xôn xao tiếng dục xuống thuyền,
Chen vai sát cánh ngồi bên mạn chèo.
Trăng lên in bóng gương treo,
Dưới giòng nước chảy như theo đoàn người.*

Đến những trận đánh đồn:

*Lệnh kèn thổi vang,
Một phút đánh đoàng,
Moócchiê bắ'n trước,
Tiếp theo đui-xét,
Sau đến Lami,
Cùng lò bom phóng,
Bảo nhau cùng bắ'n.
Chẳng để lỗi thời,
Đồn B bóc cháy...*

Nhịp bốn trên này chưa thích bằng nhịp bảy dưới
đây:

*Tụi giặc mây, sét đánh tan mây,
Voi nín thở gầm lên một tiếng.
Hổ giật mình thét phá trại Tây.
Ông tám một cười phì giặc khiếp...*

Và hòa điệu với nhịp bốn, nhịp bảy, có cái nhịp năm chớp nhoáng:

*Lửa mắt sáng long lanh,
Lưỡi mác vọt lao nhanh,
Máu giặc phun, cây gục.
Lửa hồng in bóng anh.
Xéch miệng lỗ châu mai,
Lô cốt phì thở dài.
Thịt thui mùi khét lẹt,
Quả trứng cháy đen rồi.*

Đến lúc những đoàn quân chiến thắng trở về giữa nhân dân Tây Bắc, thì tha hồ khoái nhé. Những câu thơ vòng lên theo ngực của bao nhiêu đồng bào được cởi mở.

*Dại Phác diệt tan,
Đoàn quân chiến thắng hiển ngang trở về.
Dòng sông Nhị một bề chảy xiết,
Đoàn chúng ta dạo bước xuống thuyền
Tới bờ chân mới bước lên:
Hai bên đường phố bước ra,
Đồng bào đón tiếp thật là hân hoan.
Hai bên đường toàn là khẩu hiệu,
Lại thêm vào những chỗ ca dao:
"Lòng em nay ước mai ao,
"Đón chàng chiến sĩ sông Thao trở về".*

Cái cảnh cổ lỗ sĩ "Đường hoa son phấn đội - Áo gấm về xanh xang" của người đỗ đạt vinh quy nó chật hẹp và ích kỷ bao nhiêu đối với cảnh người lính của dân thắng trận trở về giữa dân, súng của giặc chĩa trên vai lính kích. Các anh bộ đội đi giữa hai hàng yêu thương kính

phục, tưởng chừng người rộng ra một chút, cái ba lô
chững chạc nhúc nhích ở sau lưng.

*Sáng ngày mai quân kéo về an nghỉ,
Cả phố Nhoi râm rộ đón hoan nghênh,
Cả hai bên mái lá đón linh đình
Đoàn dũng sĩ đình huỳnh đi ở giữa.*

Một anh đội viên chưa làm thơ bao giờ hết, nay cầm
bút nói được tâm tình những người hoan hô anh:

*Dán trước bàn vài hàng chữ ca dao:
“Nước chè nấu đặc chàng vào mà xơi”
Các em thiếu nhi đón tiếp vui cười:
“Mía chúng em tiện xin mời anh ạ”.
Có đồng bào tản cư rách quá,
Chính đồng bào Đại Phác tản cư sang,
Nhìn rất thương về mặt rất hiền lành,
Bắp và chuối để trên mâm mà đợi.*

*
* *

Giữa số thơ chiến dịch sông Thao, tập *Lửa Đại bục*
của Hữu Tâm đáng được nói tới đặc biệt, Hữu Tâm có
cái non tươi của một nhà thơ hãy còn mới mẻ, mắt tai
và cảm xúc lần đầu đem ra giữa cuộc đời. Anh nhận xét
tinh tế, và có những câu thơ biết mở ra một dư vang tình
cảm. Anh biết nói về tình thế rất hay của một nhà sàn
trên núi bỗng đứng về đây súng đạn:

*Nhà em đỉnh núi sương mù,
Vòng đeo cổ áo chàm thô xanh lè.*

*Đêm khuya đồng chí kéo về,
Chật sần nằm ngủ bộn bề súng bom.*

Anh để ý đến tâm trạng người dân quân khiêng người tử sĩ, trợn lẫn chân cháy, vai nặng, và lòng thương:

*Chúng tôi hai đứa dân quân,
Khiêng anh nóng bỏng bàn chân mặt đường.
Xác anh nằm cứng máu vương,
Nặng thì có nặng nhưng thương anh nhiều,*

Anh chợt bắt cái giây điện tẻo teo chạy qua giữa anh bộ đội “ăn to hai đồn” và người kiu kịt tê vai gánh hộ đạn moócchiê mới thu ở đồn giặc:

*Các anh thích chí cả cười,
Em vui chân bước, buột lời cười theo.
Anh quay nhìn lại mắt nheo,
Má em đỏ ửng... hồng reo nả'ng hồng.*

Anh cầm chiếc quạt mà hiểu được người cho:

*Quạt nan đây chút tình dân,
“Tặng người chiến sĩ lập công mùa hè”.
Ngònng ngoèo dòng chữ xanh lòe,
Óc em tự nghĩ tay đề đầy thôi.*

Anh lại hiểu cả cái thùng nước vôi:

*Nhà em phố xá buồn nghèo,
Nấu thùng nước vôi đặt theo bên đường,
Chờ anh tự sớm mờ sương,
Bát khô nước nguội soi gương mặt người.*

Chờ đợi cho đến khi: “Ào ào quân kéo ngược xuôi, ghé qua anh uống một thôi vôi vàng”. Các anh qua rồi, để lại những bà cụ đứng nhìn chép miệng:

*Bên thêm bà cụ đứng trông,
Lă'c đầu: "Đồng chí long đong quá nhiều".*

Hữu Tâm đã nối liền thơ đội viên với thơ cán bộ, và cũng là thơ thi sĩ.

*
* *

Tôi xếp gọn cái đồng thi liệu bộn bề của chiến dịch Sông Thao, mà còn để lại sau cùng hai cái hoa tôi yêu quá. Đời anh bộ đội Việt Nam thật gian khổ, chưa dễ có một dân tộc nào kháng chiến và chiến thắng trong những điều kiện vật lộn với cái khổ, riết giầy lưng bụng, gánh đại bác lên núi xuống đèo như chúng ta. Mang nặng đẻ đau cái tự do độc lập. Có máu huyết vương vấn trong mấy câu thơ sau đây của một người lính sắp bạc đầu:

*Sông sâu nước chảy đá mòn,
Tắm thân Vệ quốc đâu còn như xưa.
Trải bao dãi nắng dầm mưa,
Tắm lòng son sắt vẫn chưa chút sờn;
Mái đầu đã nhuộm hơi sương,
Nước da vàng nhạt, vùng dương ngấn vằn.*

Mặt trời Việt Nam ngấn vành trên mặt Vệ quốc. Bức chân dung loang lổ này là hàng chục trận đánh, là mấy mặt trận, là Tây tiến, Việt Bắc, Đông Bắc, Tây Bắc.... là cả một lịch sử mưa nắng. Nó thấm nhuần vào người đọc một nhạc điệu băng khuâng.

Và đây nữa cũng một bức chân dung:

*Nă'ng vàng, suối chảy trong xanh,
Gió hiu hiu thổi trên cành nguyệt trang.*

Ở đây, anh Vệ quốc phơi phới lạ lùng! Anh tức cảnh làm thơ về cái ngọn gió lành nó gặp một cảnh lạ: cảnh lá mọc ở trên một người đi. Tâm hồn giản dị, trẻ trung của anh vốn đã hòa hợp với thiên nhiên, nay có cành lá nguyệt trang trên đầu, tưởng chừng hòa hợp hơn nữa. Anh Vệ quốc vui lành khoái trí với tạo vật, cái tạo vật vĩnh viễn nâng đỡ những lực lượng đang lên.

15-9-49

NHỮNG BỆNH ẬU TRĨ CỦA THỜI ĐẠI

Thơ ta hiện nay có những bệnh ấu trĩ, bệnh vỡ da của nó. Trong *Tiếng thơ*, tôi đã làm một thứ bút ký lấy giọng của nhiều người để dần dà nói cho được cái tiếng rất thơ của thời đại. Tôi đã lọc những cái hay, cốt gởi một không khí hát ca. Hôm nay xin nói qua về những cái dở. Tôi cũng là một người tập sự của văn nghệ mới, một tên lính của đội quân sáng tác gặp nhiều gay go. Tôi xin nói mấy nhận xét riêng chứ không phải “lên giọng”.

Khi một thế hệ hai mươi tuổi đi vào đời, khi một lớp người mới lên chiếm sân khấu, khi một thời đại mới sinh ra, thì cũng đồng sinh ra một hồn thơ mới. Cái thơ của lớp người trước, lớp người sau không bằng lòng nữa. Họ cần phải đem cái đời mới nở vào trong thơ. Họ bắt thơ phải là cái hơi thở cách mạng của họ. Mỗi khi đổi mới như vậy, thì một mặt thơ đi gần với văn xuôi để lấy cái nội dung nhiều, nhận; một mặt thơ đập xé các khuôn khổ đã có, để lấy cái tự do. Thơ đi gần với văn xuôi vì văn xuôi vốn thường thu góp nhiều sự vật sốt dẻo, bề bộn, văn xuôi ít chọn lọc, không khảnh ăn; mà cái hồn thơ mới cũng đang say sưa tất cả những hình thể gì mới lạ; hồn thơ mới yêu tất cả, thích tất cả, hồn thơ mới tham

lam, ôm đồm. Và tung phá những cái ràng buộc về số chữ, số câu, về chẵn bằng, về vần nhịp là cố nhiên: hồn thơ mới cần tự do đến triệt để. Đó là một bước đi biện chứng mà mỗi đợt thơ mới của mỗi thời đại đều phải trải qua. Cái hiện tượng trẻ trung trong thơ Việt bây giờ có phải đến bây giờ mới có đâu; trước đây, lúc “thơ mới” mới sinh, năm 1932, “thơ mới” cũng đã một thời kỳ đi gần với văn xuôi để lấy nội dung, và phá phách các điệu thơ đều, để tự do thỏa thích.

Chúng ta hoan nghênh thái độ cách mạng của thơ mới hiện nay, chúng ta chờ những sự đổi thay cần thiết. Nhưng Thơ cũng có cái chính trị của nó. Suối rồi cũng phải ra sông, trẻ non là cũng chỉ để đến ngày chín vững. Cách mạng phá một trật tự cũ để bày một trật tự mới, chứ không phải để mãi mãi lộn xộn lung tung. Hồn thơ mới phải có một lúc đi gần với văn xuôi, nhưng thơ không phải là văn xuôi. Hồn thơ mới đi vào cách mạng, đi vào kháng chiến, thấy cái gì cũng khen ngợi, trầm trồ, gặp những gì mới mới là nhật lấy ngay. Cũng như anh chiến sĩ lúc đầu say mặc nhà binh: đội cả mũ sắt, đeo cả súng, cả dao, cả gươm, mang cả túi vải dù, xà cọt, đèn pin, đi ghệt, cầm áo mưa, đeo ống nhòm, và cưỡi ngựa. Có những bài thơ mới chất đầy súng đạn, như một công binh xưởng, hoặc đầy xương máu như một trạm cứu thương. Những bài thơ mới hăm hở, thơ ngây, vin cố cuộc đời mới để không chịu chọn lọc. Cái nội dung văn xuôi, mấy lần đầu, độc giả còn ưng chịu, nhưng đến sau người đọc thấy nhức đầu. Người ta khổ tâm như vào trong một cái nhà bày nhiều bàn ghế quá. Thơ là một vấn đề tâm tình, hơn là vấn đề bày biện. Thơ bảo ta phải nói cảm xúc.

Thời nào cũng có cái sáo. Có cái sáo cổ điển của thơ thời Nam phong: thuật hoài, cảm khái, khẩu khí, vịnh cái ống điều, cái hỏa lò... Có cái sáo lãng mạn của thời “thơ mới” 1932: gió, mây, bến sông, đàn áo len, con đò, giang hồ vật.... Và có cái sáo cách mạng: lửa, máu, thét, gào, tặc tặc, đùng đùng, mùa thu... Một hình thức đưa ra ít lâu đã thành chiều lệ, nếu không có lòng người đi theo hình thức ấy, nếu kể lại như máy, nếu chỉ theo cái vỏ phong trào. Nhà thi sĩ kể chuyện Cách mạng mùa Thu, là bao nhiêu người lặp lại mãi cái truyện ngă'n này: anh ấy hay chị ấy khổ sở, nộp thóc cho Pháp, trồng đay cho Nhật, cái vụ đói 1945, rồi một ngày mùa thu cò vàng son lên ngựa... Những đề tài chuyển tay đi mãi, càng chuyển đi càng mất tươi tốt, càng hết mới, càng mòn. Nếu như kể chuyện, mà có ngọn lửa mùa đông, thì ngọn lửa ấy tất phải bập bùng. Và chưa bao giờ người ta đã ru em nhiều đến thế. Một thi sĩ đã có những tiếng ru hay, thế là các người làm thơ khác thi nhau cho tiếng ru em, ru con hay ru cháu vào giữa những đoạn thơ. Một nhà thơ lần đầu tiên nói đưa con nít sống sót bỏ lên vú mẹ đã bị giặc Pháp giết chết, bú nhâm giòng máu của mẹ, thì những nhà thơ đi sau đã cho bao nhiêu trẻ con quờ lên xác mẹ...

Đã đành không có cái gì phải tôn làm thần làm thánh cả, thơ chẳng phải là cứ trong suốt, ở tuốt trên mây; thơ phải gần người, phải là của người, đã đành. Cái gì cũng có thể thành thơ được cả. Nhưng muốn thành thơ phải lọc qua tâm hồn người, thấm cảm xúc người. Chứ không phải để nguyên cả trái lựu đạn mà cho vào thơ. Không có hồn thi nhân, thì đụng đến cái gì, cái ấy chỉ cộc cạch.

Thơ cần đi gần văn xuôi một dạo, để sát với đời, để lẫn lộn vào sự vật, để mọc rễ dưới đất, lấy sức chắt chắt, vững vàng. Nhưng không phải cứ chìm đầu trong những bản kê khai mà phải lọc cát lấy vàng, mà phải chọn, phải lựa, phải ngẩng đầu lên để cất tiếng hát như cái hoa ngược cổ lên khí trời.

*
* *

Về phương diện hình thức, thì một phần lớn các bài thơ của ta bấy giờ bày ra cái cảnh nhẩy một chân trên những con đường phá hoại. Những câu thơ lác cắc, gập ghềnh, nghe khổ tai, đọc khổ miệng. Những bài thơ là những con người bị tháo các khớp xương bàn tay rời khỏi cánh tay, cái đùi xa bắp vế. Nhân danh sự tự do, người ta đã phũ phàng cắt những câu thơ đáng lẽ liền. Lẽm khi câu thơ không còn khác gì một câu văn xuôi nữa, chỉ được cái là thơ tồn giấy, hay sang hàng. Mười lăm chữ văn xuôi xếp làm ba giòòng là thành ba câu thơ. Câu thơ không còn ra tự lòng người mà là câu thơ xếp chữ nhà in, câu thơ *typographique*. Chặt cắt câu thơ, đã thành một cái “mốt” hợp thời, đến nỗi có bạn cố xếp ba câu lục bát ngàn năm ra thành mười ba câu thơ “mới”:

LÝ TƯỜNG

*Bọn người trai trẻ tha hương
Đêm nay tha thủi trên đường...
Về đâu?
Trời khuya*

*Gió lạnh
Lòng không
Giao thừa
Súng nổ bình bông... xa xa...
Lòng se lại...*

...

*Đường giải
Vã'ng
Lạnh
Nhớ nhà
Những người con ấy theo Cha chưa về.*

Một bài thơ hay là một sinh vật có cơ thể. Mỗi câu, mỗi chữ đứng ở đâu đều có lý do. Cái kỷ luật trong hàng thơ nghiêm như những người lính đứng trong quân ngũ. Đổi đi một câu, một chữ là sai cả gan phổi của bài thơ, bài thơ lệch lạc, ngã xiêu. Thế mà những bài thơ bây giờ, chữ đứng như một trò đùa, không có cái gì là *cần thiết* cả. Chữ này đứng ở đây, chữ đứng ở chỗ khác, tác giả cũng chả bảo sao. Người ta thấy các câu thơ chỉ theo luật may rủi của sự bất vắn.

Số chữ hợp nhau như mây trên trời, to nhỏ chỉ tùy theo gió. Người ta không hiểu tại sao câu này hai chữ mà không mười chữ, bài này bốn mươi câu mà chẳng năm câu. Mà thế nào gọi là câu thơ? Hay đó chỉ là một sự xuống giống? Những bài thơ như những đám mây, không hình, không nét rõ ràng, muốn kéo ra cho loãng thêm hay bóp lại cho bớt phồng phình cũng được.

Tự do là mình đặt kỷ luật cho mình, một kỷ luật linh động tùy theo mỗi trường hợp, nhưng luôn luôn có kỷ luật. Muốn ca, muốn hát mà chẳng theo tiết tấu nhịp nhàng thì ai nghe? Làm thơ tự do, tức là mỗi đề tài, lại

tự do đặt ra một điệu riêng cho thích hợp: cái điệu ấy không được phiêu lưu mà phải *cần thiết*. Phải cao tay ẩn lấ'm mới sai khiến được thơ tự do. Tự do không có nghĩa muốn làm gì thì làm. Cuộc đời vui đẹp nhờ sự đều hòa (*harmonie*). Thơ quyến rũ người nhờ hình ảnh, nhịp điệu, âm nhạc. Những câu thơ không nên lác cắc, đọc bài thơ có cảm giác nhai một miếng cơm nhiều đá sỏi. Đọc mà chối tai, còn nhớ làm sao được? Những câu hai chữ, ba chữ, năm, bảy, mười chữ ném tung lên mặt giấy, nhịp thì què, trắ'c bằng thì khó nhọc, nào đâu là nhạc, nào đâu là đều hòa? Cái đức tính bậc nhất của thơ là vương vấn lấy người đọc, in sâu vào trí nhớ, bắ't người ta phải thuộc. Thơ không phải để đọc rồi quên như văn xuôi, không phải chỉ ghi lấy cái cốt như văn xuôi, mà nhớ thơ là nhớ cả hồn lẫn xác của bài. Những bài thơ thay đổi mãi từ hai chữ đến mười lăm chữ quần người đọc như bắ't lên một cái cầu thang loanh quanh, mệ't bỏ hơi tai, còn ai dám nhớ?

*... Đường phá hết gò ghề cỏ ướt
Lúa chín
Sao lúa chín vẫn chưa gặt hết
Thu đông thu đông rồi
Sương mờ
Làng xóm, tre cau, đình miếu
Gió thổi, bếp lửa, mẹ ru.*

*Tôi đi trong đêm nay
Nghe hơi thở tôi hỗn hển
Tôi có những anh tôi Vệ quốc cùng đi
lần bước.*

...

Văn xuôi cũng không khó đọc như thế. Đọc rất tức, không còn biết nghỉ hơi ở chỗ nào. Dân tộc tính ở đâu? Người Việt Nam mình không quen nghe những câu mệt hơi thở như vậy. Quần chúng mở miệng ra là thích có vần, có điệu; ý tứ hay đến đâu mà đọc khổ cái ngực, thì họ cũng xa lánh nữa là.

Chúng ta nghiệm thấy một phần lớn những bài thơ hiện tại giống những bản nháp chưa xong của những bài thơ nào. Có lẽ những bài thơ chưa có thì giờ cảm xúc kỹ, và chưa có thì giờ làm kỹ. Thơ bây giờ là thơ nhật ký, thơ chép vội, thơ tài liệu. Mà người đọc hiện nay cũng chưa có thì giờ đọc kỹ nữa kia. Sự ấy dĩ nhiên. Chúng ta bàn nhiều việc cấp bách quá.

Một người có một cảm xúc, thì ghi ngay lấy nó bằng lối tốc tả, có một ít điệu, một ít vần, một ít nhạc thì tạm thời gọi nó là thơ. Cái tình thế bắt chúng ta chưa có những bài thơ kỹ lưỡng. Chúng ta có phần nản đâu, chúng ta vinh dự được sống cái thời hành động này; nhưng chúng ta cũng biết rằng: những bài thơ ấy còn phải làm lại. Mà nghệ thuật phải như thế; bôi bác, đổi đá, nghệ thuật sống sao được? Một cuộc ghi chép, như:

NHÀ TÔI

*Trận đói bốn năm
Thật khổ ra mần răng
Mình tôi bắt ếch
Ngày được mười hai con
Bán được mười hai đồng
Đổi hơn lon gạo
Để nuôi cả gia đình.*

*Bố tôi
Già khom
Trời rét că'n rằng
Mà không manh áo,
Thiếu cháo
Nên chết dần, chết héo
Không mảnh chiếu liệm thân
Vùi chung một lỗ
Với dân làng cùng số,
.*

Có ưu điểm sống và chân thật, màu sắc nôm na chuyện cảm động đau đớn. Nhưng mới chỉ là ghi chép, mới là quặng, chưa là kim khí, xù xì như một tảng đá nhà điêu khắc mới vạc qua, đoán được hình người mà chưa thành hẳn một bức tượng con người.

Những người làm thơ chóng bằng lòng mình quá, chỉ sản xuất được những quặng tốt mà thôi.

*
* *

Tôi mới phát biểu mấy ý riêng về nội dung và hình thức những bài thơ “mới”. Một hành động đúng thời, đúng lúc thì hợp với cuộc tiên hóa của cuộc đời. Từ kháng chiến đến nay, thơ ta đã tích trữ được một nội dung dồi dào và dành được một cái tự do triệt để. Những người làm thơ có thể cứ tiếp tục cho vào trong cái nhà thơ nhiều đồ đạc nữa, và cứ đi phóng túng phiêu lưu. Nhưng bên cái trạng thái kia, phải manh nha một trạng

thái mới cao hơn, là sự chọn lọc tài tình, và cái kỷ luật đúng độ. Chỉ một vài năm nữa thôi, cái văn xuôi và cái lác cắc được tiếng là *mới* bây giờ sẽ chẳng còn gì là mới nữa. Người ta sẽ chán nó, sẽ ngấy nó. Nó sửa soạn cho cái đẹp mới, chứ bản thân nó không phải là cái đẹp mới.

Trạng thái chọn lọc và kỷ luật nên mạnh nha từ bây giờ, vài năm nữa sẽ lớn, sẽ vững. Vì nghệ thuật luôn luôn là một thể quân bình linh động: quân bình giữa cái mới và cái bền, giữa cái tự do và cái gò bó. Nghệ thuật, cũng như cuộc đời, sống nhờ mâu thuẫn, mà chết trong sự bừa bãi, nhác lười. Nghệ thuật phải tự đặt cho mình những cái khó để vượt. Vần, nhịp là gì nếu không phải là những cái ngăn cản vờ, để cho hồn thơ chế ngự; con ngựa chỉ bắt kham khi người cưỡi ngựa yếu bóng vía; khi con ngựa lồng lộn đã chịu cương rồi, nó đi nhanh hơn ngựa thường.

Thơ tự do sẽ phải tìm cho được cái điều hòa của nó; nó sẽ không còn nhảy lò khò trên những con đường phá hoại. Khi cái thời gian quá độ đã hết rồi, mà nó vẫn cứ khắp khênh mãi, người ta sẽ thủ tiêu nó đi.

Hồn thơ mới không chịu những con đường của hồn thơ cũ, mà nó cho là mòn; nó đi xẻ suối phá rừng, mở những con đường mới. Nhưng đến lúc nó đầy, nó chín, thì nó đã làm được những con đường rộng rãi, thẳng thắn, phong quang, những con đường có điều hòa, nhịp điệu. Và có thể những con đường mới giống con đường cũ nhưng ở một tầng tiến bộ hơn. Lúc cái hồn thơ mới của thời đại này đầy rẫy, chín mùi, có thể nó sẽ vào trong các điệu thơ đều đặn một cách rất dễ dàng, tự nhiên: Những lục bát, thất ngôn, ngũ ngôn, tám chữ nó dùng

lúc bấy giờ là những điệu xưa nhưng cao hơn, dồi dào, đơn đả hơn và đầy vẻ mới.

Tôi thấy con đường biến chứng của một hồn thơ thời đại là như vậy. Ngoài cuộc cách mạng về Thơ do giai cấp mới đưa lên, cứ vài mươi năm lại thay đổi nội dung và hình thức thơ một lần cùng với các thể hệ. Một lớp thanh niên mới lên, phá các hình thức của lớp đàn anh, đem các thứ tự do vào, đi quá trớn một hồi, rồi lúc đã mạnh, đã chín rồi, thì lại cần những hình thức cổ điển. Những hình thức cổ điển này nhờ lớp thi sĩ mới đem lên một trình độ cao hơn trình độ cũ, và diễn tả được những tâm tình mới một cách lộng lẫy. Nhưng lớp hai mươi tuổi kia đến lúc cũng già, hồn thơ yếu xuống, các thể thơ đều đặn không còn một hồn thơ sôi mạnh chế ngự nữa, thì trở lại bóp chết hồn thơ. Một lớp thanh niên khác lên, thấy cái cảnh già này, lại phá, lại đập, lại tự do tột cùng, để rồi vững vàng và chín đở... Tôi tưởng tượng cuộc tiến hóa đi lồi xoáy ốc lên mãi mãi như vậy. Thơ chẳng bao giờ đứng yên, cứ dạt dào theo các thể hệ; các thể thơ tự do và đều đặn cũng không có gì tuyệt đối, cứ đến đúng thời của nó là hay.

Tự trung, theo ý tôi, các thể thơ đều đặn, dễ đọc, dễ nhớ, du dương đẹp đẽ hơn thơ lung tung, miễn là hồn thơ phải đầy, chín, nội dung đã đẹp, hình thức lại tiết tấu, bài thơ lúc ấy sống mãi cùng với thơ Nguyễn Du, Thị Diễm, Xuân Hương.

16-6-1946

THÊM MẤY Ý KIẾN VỀ THƠ

Thời chúng ta là một thời mới mẻ, ai cũng dễ muốn khai sáng ra một cái gì. Rất có nhiều người nhân danh cái mới, để chủ trương những điều có thể kỳ quặc miễn là “mới”. Đó là “chủ nghĩa tiên phong” (avantgardisme), đó là những người thích chủ trương bằng trí óc, mà không đem đối chiếu ra thực tế, không kiểm soát lại giữa công chúng và quần chúng.

Tôi thấy có một chủ trương nguy hiểm, tai hại: cái chủ trương thơ là một lời nói thường, miễn là cảm động.

Chủ trương như vậy, thoát nghe tưởng như bình dân, đại chúng lắm. Kỳ thật, sẽ đi đến chỗ thủ tiêu thơ.

Thơ phải tự nhiên (naturel) có thể tự nhiên *như* một lời nói thường, nhưng không thể nào thơ là một lời nói thường được. Theo ý tôi, thơ đối với văn xuôi, cũng như tiếng hát đối với tiếng nói thường, cũng như khiêu vũ đối với bước đi đường.

Thơ phải cảm xúc, phải tổng hợp, phải có hình ảnh, như thế cũng chưa đủ. Thơ còn phải như tiếng hát, như điệu múa nữa. Thơ có thể đồng một nội dung với văn xuôi, nhưng nó còn ở hẳn một tầng khác, cái tầng ấy tôi không bảo là hơn hay kém văn xuôi, nhưng một tầng

khác với văn xuôi. Cũng như hát và múa ở một tầng khác với nói và bước.

Chúng ta không thể chỉ nói đến cái hồn thơ, cái rung động thơ; cái hồn thơ ấy menh mông, bàng bạc trong vũ trụ, thấm nhuần trong tất cả các ngành nghệ thuật, trong cả văn xuôi. Một bài thơ không phải chỉ là một mảng hồn thơ, bài thơ còn là một hình thức. Hình thức ấy là những điệu thơ mà dân chúng đã tìm tòi và kinh nghiệm, trải bao nhiêu bấp bệ và dò dẫm mới tạo nên. Hình thức ấy là một hình thức nhạc, *trước hết là nhạc của lời nói*. Trong các nhạc của lời nói ấy, nhà thi sĩ mới để vào cái nhạc của tâm tình.

Làm thơ mà chỉ đi tìm nội dung thôi, là tìm hồn mà không có xác. Cũng như chỉ chú trọng đến hình thức, là nặn cái xác không hồn. Bài thơ cũng phải một sự đều hòa giữa hồn thơ và xác thơ. Cái xác của thơ Việt Nam là vần và điệu.

Cái định nghĩa của *bài thơ* phải là: một bài có vần điệu mà chứa đựng một rung động thơ.

Tôi cho rằng có hai điều kiện ấy mới làm nên một bài thơ Việt Nam. Xóa bỏ vần điệu, lấy hê rằng nhạc của thơ hoàn toàn là một cái nhạc của tâm tình, là xóa bỏ luôn cả bài thơ, vì những đoạn văn rung cảm và xuống giọng nhiều cũng là những bài thơ. Tâm tình quan trọng nhất, nhưng tâm tình không đủ. Cũng như bài nhạc không chỉ những là tâm tình, mà còn là âm thanh lên xuống theo cung bậc, tiết tấu, lệ luật. Nếu chỉ bảo nhạc là tâm tình, thì lời nói cũng tâm tình chán. Cái sung sướng khi đọc thơ cũng phải là cảm một tâm tình, mà cảm bằng vần điệu. Thương thức một bài thơ, là thương thức hồn thơ, cảm xúc, mà cũng là thương thức vần điệu nữa.

Cãi nhau, thật ra chỉ ở nơi định nghĩa ấy mà thôi. Những thi sĩ “tiền phong chủ nghĩa” tưởng rằng vần điệu nó cầm tù hồn thơ; họ định nghĩa bài thơ là hoàn toàn nội dung. Thậm chí có tổ văn nghệ dạy cho đội viên rằng: *tả dài là văn, tả ngắn là thơ*, làm một bài thơ, chỉ cần viết ý tình của mình ra, thừa chữ thì bớt đi, thiếu chữ thì thêm vào, ngúc ngắc quá thì sửa lại, thế là thành một bài thơ. Các bạn ấy nói rằng điệu thơ cũ là xa hoa, hào nhoáng, xa thực tế; như thế thì thất ngôn bát cú luật Đường là xa hoa, hào nhoáng, mà lục bát cũng xa hoa, hào nhoáng, xa thực tế hay sao?

Những thi sĩ khác thì cho rằng chỉ có cái lối đối câu, đối chữ, đối tiếng là gò gẫm và giả dối; còn bao nhiêu vần điệu đều cần phải dùng. Thơ gọi là tự do cũng vẫn phải giữ vần và điệu. Thơ của thời đại ta phải *như* lời nói tự nhiên, nghĩa là dù vần điệu thế nào cũng không được gò bó, khó khăn. Tự nhiên là phải làm như La Fonten khi xưa: “Tôi khó nhọc lắm mới làm được những câu thơ dễ dàng” bao nhiêu công phu để cho câu thơ đọc rất xuôi tai, không mệt nhọc không vướng vấp; cũng như người khiêu vũ múa nhảy bao nhiêu điệu khó mà vẫn cứ dễ dàng như không.

Chứ còn thơ là lời nói thường thế nào được! Cũng như kịch không thể là đời sống thường.

*
* *

Có những người làm thơ không chịu được những điệu đều đặn, không chịu được đến cả thơ tự do mà có vần.

Họ bảo rằng những điệu đều đặn, như lục bát chẳng hạn, là tẻ lă'm. Thơ dở thì bao giờ cũng tẻ. Thơ không có vần mà dở, tôi chẳng thấy nó dở tẻ tý nào; nó còn có cái tội là chọc vào tai độc giả.

Những câu lục bát chẳng hạn, của những thi sĩ có tài, có giống nhau chút nào đâu? Ngay lục bát của ca dao cũng đã trăm hình ngàn vẻ rồi. Lục bát của câu:

*Chim xanh ăn trái xoài xanh
Ăn no tã'm mát lên cành nghỉ ngơi*

Không giống với lục bát của câu:

*Gió đưa hoa cải về trời
Rau răm ở lại chịu đời đắng cay.*

Và khác hẳn với lục bát này:

*Bao giờ trạch để ngọn đa
Gỗ lim ăn ghém thì ta lấy mình.*

Lục bát của Nguyễn Du khác với lục bát của *Hoa Tiên*. Bà Thị Diễm có những câu lục bát than thở mà hiền lành:

*Giọt sương phủ bụi chim gù,
Sau tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.*

Nguyễn Du có hàng trăm điệu lục bát, và khi than thở thì nào ruột:

*Mặc người gió Sở mây Tần,
Nhưng mình nào biết có xuân là gì.*

Lục bát trong *Cung oán ngâm khúc* gò gẫm, khô khan:

*Ngán thay cái én ba nghìn
Một thân cù mộc biết chen cành nào.*

Đến lục bát của Huy Cận, không chút gì giống với các nhà thơ cổ điển nọ. Nó là câu lục bát của Huy Cận:

*Buồn gieo theo gió veo hồ,
Đèo cao quán chật, bến dò lau thưa.*

Lục bát của Nguyễn Bính cũng không nhầm lẫn được:

*Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,
Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào.*

Đến những câu lục bát của anh Vệ quốc bây giờ, thì

*Xôn xao tiếng giục xuống thuyền
Chen vai sát cánh ngồi bên mạn chèo.*

Lại một điệu mới hẳn.

Những câu thơ dở giống nhau trong cái vô vị nhạt nhẽo mà thôi; những thi sĩ không làm nổi một điệu lục bát của mình phân biệt với điệu lục bát của những người chung quanh, thì cũng chưa phải là thi sĩ. Bảo rằng những điệu thơ đều đặn cứ giống nhau, có khác gì bảo những mặt người đều có tai, có mắt, có miệng như nhau, và nhìn rất chán.

Chính cái cá tính, cái tâm hồn, cái điệu cảm của những nhà thi sĩ vào trong thơ và làm cho câu thơ hàng vạn người đã dùng trong hàng nghìn năm bỗng chốc mới và trẻ ra.

*
* *

Quan niệm rằng thơ bây giờ không nói tâm tình, tình cảm, chỉ nói cảm xúc mà thôi, tôi cho quan niệm ấy không đúng.

Trong hệ thống văn chương tư sản, những thi sĩ như Baudelaire đã chủ trương thơ không nói tình cảm (sentiment) mà chỉ nói đến cảm giác (sensation) thôi. Đó là mở đầu cho trường thơ tượng trưng. Cái xã hội tư sản đến nửa thứ hai thế kỷ 19 đã mệt mỏi quá, không còn tình cảm nào sôi mạnh nữa. Người ta mới chuyên trọng vào cảm giác. Cảm giác là một cách nhấm rượu, uống trà. Rồi từ chỗ chú vào cảm giác, mới đến chỗ đi tìm cảm giác, và truy lục, và loạn điên. Trong cái hệ thống tư tưởng trước, người ta đồng ý thơ không phải là tình cảm, mà phải là cảm giác.

Bây giờ thì khác. Chúng ta là những con người làm việc, không phải những con người đi tìm cảm giác. Chữ cảm giác, ta bỏ đi, ta lại nói đến cảm xúc. Cảm xúc là cảm giác và xúc động; ở trong cảm giác, cơ thể làm chủ; ở trong cảm xúc, cái bản ngã đã dự vào. Cảm xúc, thì cảm nghe sâu rộng hơn, và có lẫn tình cảm. Tôi đồng ý cái chính của thơ là cảm xúc.

Nhưng bảo rằng thơ bây giờ không nói tâm tình, tình cảm, thì rơi vào “cảm giác chủ nghĩa”. Một thời đại mới lên rất nhiều tình cảm. Những con người trẻ rất nhiều tình cảm. Chúng ta ghét những tình cảm thâm sâu, xót xa, bù lu bù loa khi xưa. Còn những tình cảm của thời đại này thì lại là những động cơ mãnh liệt làm cho cuộc đời bước tới. Lòng yêu dân tộc, lòng yêu đất nước, lòng yêu nhân loại, lòng hy sinh... là những tình cảm, chứ không phải là những cảm xúc, tình cảm ấy tại sao lại

không làm cho những bài thơ? Và những tâm trạng của người cán bộ, của anh bộ đội của những con người kháng chiến và công tác bây giờ, những *tâm tình* ấy sao không nói? Những con người mới sinh ra, cái cuộc đời mới lên, nó tin ở tình cảm lắm. Vì tình cảm của họ là nhựa vọt lên từ lịch sử, từ đất đai. Chỉ còn cần thận ở *cách nói* tình cảm thế nào nữa thôi. Nói thế nào mà không kể lể, không đa ngôn. Chứ lấy con mắt nhìn những tình cảm cũ khi trước để nhìn tình cảm mới bây giờ, là nhầm lẫn, và cứ nhất định sợ tình cảm, là một thái độ già.

Ta cần phải mở rộng cái định nghĩa của thơ về *nội dung* nữa. Đừng tình túy quá, đừng tình hoa quá, đừng cao kỳ quá. Phải định nghĩa thế nào mà những bài hay của các anh Vệ quốc cũng là thơ. Mà nó là thơ thật. Các anh Vệ quốc và dân chúng không những nói tình cảm, nói tâm tình trong thơ, mà nói cả sự hoạt động, sự làm lụng trong thơ.

*
* *

Những người muốn cho thơ là một lời nói thường, nghĩ ngắn thì viết ngắn, nghĩ dài thì viết dài, nghĩ có vần thì để vần, nghĩ không có vần thì thôi, không khéo lại rơi vào cái tự nhiên chủ nghĩa (*naturalisme*)! Họ muốn cho thơ hay nhạc, hay khiêu vũ phải như hết sự thật; sự thật thì tình cảm làm gì có vần! cảm xúc làm gì có bằng trắc! Họ quên rằng nghệ thuật là một ước lệ, một kiến trúc. Ước lệ đây là một sự thỏa thuận có lý do, một sự xếp đặt giúp cho người ta dễ thông cảm. Cái ước

lệ ấy, khi không có sự sống nằm ở trong, thì là ước lệ chết; chứ khi đã có sự sống dạt dào làm căn bản, thì không sợ ước lệ. Ước lệ của thơ Việt Nam là vần và điệu.

Muốn quay trở lại lúc mới phát nguyên của cảm xúc, cảm xúc không có vần, không có điệu, là trở về cái trạng thái bập bẹ, thơ chưa có tổ chức, câu thơ, bài thơ chưa thành hình thù. Thủ tiêu vần điệu, là thủ tiêu *bài thơ* là thả hồn thơ trong một mớ chữ nhùng nhèo. Muốn đi theo thật sát cái thiên nhiên thành ra đi vào chỗ sương mờ mù mịt.

Những bài thơ không vần, không điệu là những xây dựng hoàn toàn trí óc của những người không đếm xỉa đến tinh thần âm nhạc của tiếng Việt Nam, những người ấy xa lìa quần chúng Việt Nam. Họ định dạy cho quần chúng làm những điệu thơ bất thành hình. Nhưng quần chúng Việt Nam đã có điệu lục bát thần tình, điệu bốn chữ, năm chữ, bảy chữ bất vần ở giữa lưng, rất dễ đọc, dễ nghe, dễ làm, thì quần chúng nhất định không chịu nghe những cái trò khô khan ấy. Những bài thơ hàng hà sa số của anh em Vệ quốc hiện giờ chứng tỏ rằng các điệu căn bản của ca dao đã cho các anh một hình thức rất mềm dẻo, rất tự do; và sức sống của các anh là một sức tinh khôi, nên thơ của các anh có vần điệu mà rất mới.

Cuộc kháng chiến cho đến nay đã nâng điệu thơ tự do có vần lên, chứ chưa hề ủng hộ cái thơ không vần. Thơ tự do có vần đủ mềm mại để diễn tả những ý tình hiện nay: nó giữ được cái điệu, cái vần, là những điều quần chúng đòi hỏi.

Có người hỏi: chứ thơ Pháp hiện giờ không có vần thì sao? Thơ Pháp không vần, mặc thơ Pháp. Ta làm thơ

bằng tiếng Việt Nam kia mà. Với lại những bài thơ Pháp không vần, đã thực đem ra đối chiếu giữa quần chúng Pháp chưa? Aragon là một tay cự phách trong làng thơ siêu thực, ông đã làm bao nhiêu thơ lộn xộn không vần; nhưng trong thời Đức thuộc, muốn cho các bài thơ kháng Đức của ông vang được trong quốc dân, ông phải làm thơ có vần, và ông là nhà thi sĩ kháng chiến Pháp được truyền tụng nhất.

*
* *

Thực ra lý luận suông không giải quyết được dứt khoát hai chủ trương “thơ là lời nói thường, ngả'n và cảm động” với “thơ là lời nói cảm động mà có vần điệu”. Giải quyết phải là sự thực hành, là quần chúng, là thời gian.

Với tôi, thơ không vần có thể là những trường hợp lẻ tẻ. Còn đa số trường hợp phải là thơ có vần. Thơ có vần có nhiều điều kiện sống hơn thơ không vần.

15-12-49

THƠ DÂNG CỤ HỒ

Cụ Hồ là nguồn thơ vô tận. Bao nhiêu thi sĩ say mê với cái đề tài Hồ Chí Minh. Anh nào cũng cảm nghe một cái gì cao sang, thâm nhuần lắm; họ chắ'c chắ'n rằng đem vào thơ thì hay lắm. Rồi họ làm những bài thơ ca tụng Cụ Hồ; mỗi nhà thơ muốn nói được Hồ Chí Minh. Và khi thơ làm xong, đăng báo xong, họ nhìn nhau mà tự cười, cái cười thú nhận sự bất lực chung. Họ đồng tình với nhau rằng họ đã cùng đầu vào một cái núi:

“Hồ Chí Minh! người trẻ mãi không già”.

*“Hồ Chí Minh! chỉ người là có thể
Lái con thuyền tổ quốc đến vinh quang”.*

*“Cụ Hồ đã hóa làm sông núi.
Mỗi nét lông mày mỗi nét non...”*

Chưa phải. Không đủ. Cụ Hồ đẹp hơn thơ. Chưa một bài nào xứng được với đề tài. Mà làm thế nào nói được cái tinh hoa của dân tộc? Những hình ảnh nói về Cụ Hồ sắp sửa thành sáo cả rồi. Những chữ khen tặng bị ánh sáng của Cụ làm át đi. Lại phải nói: trán của Cụ cao như núi Tràng sơn, mắt của Cụ như biển Đông.

*Đầu nước Việt Cửu Long giang tưởng nhớ,
Nước mênh mông nhả như trán cụ Hồ.*

Một chàng thơ trẻ viết:

Cụ Hồ ngồi trên hiền hậu.

Và hàng nghìn, hàng vạn chàng thơ trẻ khác tìm cách này hay cách nọ tặng được thơ cho Hồ Chủ tịch, thì họ mới vui. Ai thử sưu tầm những bài thơ, những câu thơ chung quanh Hồ Chủ tịch? Đó là chưa kể những câu văn, những lời hát. Toàn dân làm thơ về Cụ. Đồng bào Ra Đê ngâm thơ thành thật làm ca dao ví Cụ với ngọn đèn điện, với bóng hoa quý nhất trên rừng họ, với một đĩa đèn ngọn thắp quây vòng.

Biết nói bài nào, bỏ bài nào? Các cụ phụ lão, các nhà nho học cũng vịnh Cụ rất nhiều. Tôi lấy một ít ví dụ tiện tay mà thôi, chứ không kể được đủ lời thơ của các giới. Mà cũng là để tỏ lòng nhân dân đối với Cụ, hơn là nói đến giá văn chương.

Một anh chiến sĩ ngày lên đường ra sông Lô diệt địch (19-5-1949), mở ảnh Cụ ra ngắm. Trước mặt người Cha dân tộc, anh chiến sĩ của ta nhỏ bé hẳn lại, anh gọi Người với giọng mừng vui sáng trong của một đứa trẻ, mặc dầu anh đường đường một người lính mang súng, sắp ra trận giết thù:

*Con của Cha đây, con của Cha,
Hôm nay, ngày sinh nhật Cha già,
Tình sương trên quăng đường chinh chiến
Tưởng đến Cha già, ngắm ảnh Cha.*

*Con thấy Cha đang mắt sáng ngời,
Nhìn con với nét mặt tươi tươi.*

*Trông Cha cười mỉm, yêu Cha quá,
Con khẽ kêu lên: “Cha! Cha ơi!”.*

*Ô! giá bây giờ Cha ở đây,
Con Cha, con trẻ của Cha này,
Hôn Cha râu tóc, lòng sung sướng,
Hứa đến khi về giết sạch Tây.*

Nhưng sung sướng hơn tất cả mọi người, là những anh may mắn nhất trong kháng chiến, đang ngồi học bổng thấy “Bác đến thăm trường”. Các anh hữu hạnh tha hồ trở về truyền cái điệu lại cho các địa phương. Các anh được giơ tay lên mà với gần ngôi sao. Nhưng Hồ Chủ tịch trong kháng chiến lại còn giản dị hơn bao giờ và cả với những người lớn và những thanh niên, Cụ cũng thành Bác, cháu:

*Gió thổi tự phương nào đưa Bác đến,
Cả trường vui vẻ xôn xao.
Trán bóng mồ hôi, vai đeo bị, Bác vào,
Cười tươi quá.....*

*.....
Cháu muốn nói thật nhiều
Bõ ngày chưa gặp Bác.
Cháu nhớ mãi buổi nay
Chiều thu mà ấm cỏ cây
Bác về đây, cháu lòng say yêu đời,
Mỗi khi Bác nói một lời.
Cháu thêm tin tưởng vào đời đấu tranh
Tối nay họp đại gia đình.
Bác khuyên chúng cháu sửa mình thi đua
Mai đây chiến thắng tới mùa
Lập công các cháu cố cho kịp người.*

*Sao tôi vui ngả'n quá.
Giờ vui sắp hết rồi.
Bác dặn dò lúc nữa.
Chúng cháu mừng vui uống cạn lời
Cả nhà hô vang dậy
Bác Hồ sống muôn năm
Tôi nay chúng cháu ấm lòng,
Nhưng mai đây lại thấy mong mỗi hoài.*

Cũng trong tôi ấy, một thanh niên Việt kiều ở Xiêm về học được bắt *Bàn tay Cha*:

*Bàn tay Người xiết chặt bàn tay tôi,
Giữa giây phút lần đầu tiên gặp gỡ,
Cái bắt tay đánh tan niềm bơ ngỡ
Của người con chưa từng gặp mặt Cha.
Bàn tay non nằm giữa bàn tay già,
Tôi tìm hiểu bàn tay Người vĩ đại.*

Đứa con hải ngoại được Cha bắt tay, hã'n thấy lửa cách mạng “bừng tim Cha chuyển ấm cả bàn tay” của hã'n; nắm tay một giây mà hã'n triền miên suy nghĩ mãi về bàn tay mãnh liệt ấy, và lúc lại trở về hoạt động ở nước khác, con vẫn nhớ mãi cái điện truyền của Cha...

*
* *

Tôi đặc biệt nói đến những thơ của cháu Bác Hồ ríu rít hay bập bẹ nói về Bác. Những bài thơ này, các em làm từ Trung thu năm ngoái để dự một cuộc thi. Các em từ 11 đến 15 tuổi. Phần lớn ở thủ đô, đã được gần Bác, được bác bồng bế, cho ăn kẹo, cho chơi Trung thu. Bài

hay nhất của một chú Thiếu sinh quân từ kháng chiến đã theo anh Vệ quốc đánh nhiều trận:

*Bác Hồ ơi, cháu là em bé phương xa,
Theo anh Vệ quốc xa nhà từ lâu.
Cháu qua sông Đuống, sông Cầu,
Phủ Thông, Đèo Khách, An Châu, Lũng Vài;
Qua bao vực thẳm hang dài
Giúp anh Vệ quốc giết loài thực dân.*

Những tên đất trong thơ ngân nga cái anh dũng của bọn con nít thời đại Hồ Chí Minh; em tỏ vẻ tiếp theo với Bác:

*Cháu là Thiếu sinh quân
Nhân ngày sinh nhật Bác
Có vài lời chất phác
Kính chúc Bác sống lâu
Không bao giờ bạc đầu...*

Và những em khác, thì mỗi em có một vài câu ngây thơ đáng yêu lắm. Một em xa Bác lâu quá, nhờ ngôi sao nhìn Bác hộ cho:

*Ngôi sao Bắc đẩu trên trời
Chắc đang nhìn thấy Bác tôi: Bác Hồ.*

Rồi các em nguệch ngoạc vẽ Bác, tô cả màu vào trong tranh:

*Bác Hồ có nước da nâu
Trán cao, mắt sáng, bộ râu hơi dài.*

Thơ của các em làm cho bước đi của Bác cũng ngộ nghĩnh:

*Dáng người dong dỏng thanh thanh
Hai chân hai bước nhanh nhanh đều đều.*

Các em có quyển sổ con, dán ảnh của Bác đem đi từ Hà Nội:

*Cứ mỗi lần thu đến
Thì Bác Hồ thân mến
Hiện trong hồn em thấy rõ ràng hơn
Ảnh xinh ép cuốn sổ con
Ba năm rồi đây vẫn còn mới nguyên
Chắc Bác em đã già thêm đôi chút...*

Có những em tủi cực trong vùng địch tạm chiếm, chỉ mơ tưởng Bác Hồ đến giải vây cho các em.

*Người mà dân tộc kính yêu
Thiếu nhi Hưng Hóa chỉ yêu Bác Hồ...
... Bác Hồ có nhớ cháu không?
Hiện giờ cháu ở trong vòng vây to
Vòng vây này của quân thù
Cháu chờ Bác đến đánh cho chúng về.*

Một em mới thoát ở Hà Nội ra, nhả'n với Bác Hồ; em tuy đã được ở vùng tự do, mà còn thương bao nhiêu bạn nhỏ của em đau đớn ở trong vòng giặc:

*Anh có nhớ không ngày Độc lập
Nhớ Nhà hát lớn, nhớ Ba Đình
Em còn nhớ mãi hồ xanh ngắt
Nhớ cây bách tán giữa vườn xinh*

*Đó là những buổi em gặp Bác
Đó là những buổi Bác nhìn em
Hôm nay vắng Bác không ca hát
Nhìn ánh trăng mà nhớ Bác thêm.*

*Em vừa thoát khỏi bàn tay giặc
Qua bao nguy khốn để tìm ra*

*Bởi vì trong đó Tây hung ác
Cướp phá lung tung khắp mọi nhà.*

*Anh có khi nào gặp Bác qua
Thì anh nhớ bẩm Bác rằng là
Nhi đồng Hà Nội đang mong ngóng
Nhớ Bác đôi khi muốn khóc òa.*

Tất cả các cháu kêu gọi Bác với tất cả lòng yêu thương.

*Cháu đây nhớ Bác vô cùng
Nhớ từ trong phổi trong lòng nhớ ra.*

Nhưng các em bé nhi đồng Hà Nội bây giờ tản cư ít ra cũng đã được sung sướng nhiều lần, vì được trèo lên đồi Bác, được hôn bác, và Bác hôn. Chứ tội nghiệp nhất là em bé ở Nghệ An, em ấy nhớ yêu Bác Hồ, mà đã có lần nào được thấy?

*Bác Hồ, Bác Hồ ơi,
Bác về chúng cháu
Đã ngót năm năm trời
Cháu đã yêu hình bóng
Khao khát được thấy Người,
Bác Hồ, Bác Hồ ơi.*

*Những em ở gần Bác
Chắc đã sung sướng như trời
Chúng cháu gần quê Bác
Mà sao chưa thấy Người.*

Những em bé của thế hệ Hồ Chí Minh, các em “khả úy” thật. Các em tìm đâu tự đáy lòng ra những câu thơ thật thà, sâu sắc như vậy? Tưởng như cái thông minh sáng quắc của Hồ Chủ tịch đã đi thẳng từ Hồ Chí Minh

đền chia cho các nhi đồng hiện nay. Hồ Chủ tịch có tất cả tương lai ở trong tay, ở quanh mình. Hồ Chủ tịch nuôi dưỡng ngày mai, trong lúc Cụ bận bịu nhất về hiện tại. Những câu thơ hay nhất tặng Hồ Chủ tịch, có lẽ các cháu Cụ đã đoạt rồi.

*
* *

Cháu của Cụ, con của Cụ giá thử không biết làm thơ, thì ít nhất cũng thành thi sĩ một lần trong đời để ca hát bằng thơ mà dâng Cụ. Và Cụ cũng là thi sĩ, hay đúng hơn, Cụ là tạo hóa. Cụ đang đánh giấc mà Cụ cũng thấy:

*Xem thư, chim núi kêu bên cửa
Phê trát, hoa xuân chiếu xuống nghiên.*

Cụ kêu gọi đồng bào: “Sức ta đã mạnh người ta đã đông, chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng;” và Cụ cũng lắng nghe đêm trăng biếc:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Ngày sinh nhật sáu mươi tuổi của Cụ, chúng ta đồng lòng hát khúc ca lành với nhà thơ Bảo Định Giang ở Nam Bộ:

*Chúng con ở bốn phương trời
Quay về hướng Cụ muôn lời ước mong;
Dài lâu như núi như sông,
Cụ Hồ sống mãi trong lòng chúng con.*

Tháng 5 năm 1950

TIẾNG HÒ TIẾP VẬN

Những đoàn dân công tiếp vận Thanh Hóa, trong hai ba tháng liền, đã làm giậy cả lên những làng mạc, những đò giang, những đường sá, những núi rừng. Đoàn dân công đem một giòng thóc gạo đi ra khu Ba. Họ vác gánh dầm thình thình, xôn xao tất cả những lối đi, tỏ ra rằng khi dân chúng đã đồng lòng, thì vá trời lấp biển cũng là chuyện làm được. Và họ còn đem tiếng hát của họ khua dậy mọi nghị lực, mọi tin tưởng ở trong lòng người. Giòng sông người vang tiếng hò khoan. Đó là tiếng hát của dân công. Tiếng hát làm bằng hơi thở khoan khoái và mệt nhọc. Khi họ cất tiếng rung rung cả cảnh lá, vang động cả một khoảng núi, rền lên một mặt sông rộng, người ta không còn phân biệt nữa lời nói hay là âm nhạc, bằng trắc hay là bước chân, câu ca hay là sức mồ hôi bốc.

Chiến dịch tiếp vận khi đã xong những đợt thứ nhất, rừng đã chứa no nê thóc gạo, trong khi chờ những cuộc vận động mới, thì đường sá tạm yên trở lại, những công việc thường ngày lại đều như cũ. Nhưng mà cái kỷ niệm của cuộc dân công tiếp vận còn râm rộ trong trí óc người ta. Các thị trấn hãy còn ghi nhớ rằng: những người

khổng lồ đã đi qua đây. Người thì bình thường thôi, có khi lại nhỏ bé nữa, nhưng đoàn thể khổng lồ, công việc khổng lồ, nên những bàn chân trần trụi, gồ ghề, da cứng đá mềm, cũng cuồn cuộn những bước khổng lồ. Và tiếng hát của dân công cũng là tiếng hát khổng lồ, nó liên tiếp đêm ngày, nảy nở theo với sự sống, vọt vọt sinh ra theo đà sáng tạo tập thể, truyền đi và nhào nặn qua muôn cửa miệng. Đoàn đi trước đã về, để lại gia tài sáng tác cho đoàn đi sau; đoàn ấy đến khi trở lại đi chuyển tiếp theo, lại thấy những lớp kế chân mình đã góp thêm bao nhiêu là câu hò mới. Các xã bốn phương gặp nhau trên đường, cùng ẩn trong một rừng tập trung, kín kịt nối nhau lên kho, đã trộn lẫn những câu hò của riêng mình, chỉ còn là những câu hò dân công tiếp vận của cả tỉnh Thanh.

*
* *

Đồng bào Nghệ An, Hà Tĩnh đã có công lớn trong công cuộc sáng tác của nhân dân, là cống hiến lối *dô hò Nghệ Tĩnh*. Nhờ nó mà những cuộc làm việc tập đoàn có được một hình thức văn nghệ rất mềm dẻo để động viên. Nó hợp với nhịp đi. Hát rất dễ, gần như đọc lên một câu lục bát. Một người xướng câu, cả đoàn dô hò một loạt, như đẩy tới trước. Những người phụ họa hát điệp khúc: *Hò dô ta! lặng lặng mà nghe! mà nghe ta hò!* nhưng thường thường chỉ có mấy tiếng “dô hò”, hay giản dị hơn nữa, là một loạt tiếng “ơ” mạnh khỏe, xốc vác. Từ khi lối dô hò Nghệ Tĩnh truyền bá đi, bộ đội đã có một lối hát

rất dễ để hành quân. những anh “lính Nghệ” đi ra Việt Bắc, bộ đội ở Việt Bắc học theo lối dô hò; đồng bào Thanh Hóa cũng dô hò theo Nghệ Tĩnh. Không chủ yếu ở nhạc nữa, mà tất cả cái hay nằm ở lời văn. Hơn nữa, tất cả cái thú say mê là ở sự sáng tác ứng khẩu.

Đồng bào Thanh Hóa đi dân công, mồ hôi bớt chảy cũng nhờ dô hò. Hình thức thơ phổ biến nhất của nhân dân hiện giờ vẫn là câu lục bát. Những câu lục bát ấy, nhờ có điệu dô hò rất dễ, nên càng dễ làm ra. Trước kia, bộ đội trong chiến dịch sông Thao (hè 1949) đã làm nhiều câu ca dao. Nhưng còn phải trình bày bằng cách viết vào những mảnh giấy dán lên mũ, súng, nôi, ba lô... Như vậy hãy còn chậm chạp và lách cách. Có lẽ vì lúc ấy chưa áp dụng lối hò đi đường. Với điệu hò Nghệ Tĩnh bây giờ, đoàn người đi luôn luôn làm bích báo. Bích báo bằng lục bát. Làm ra công bố ngay, mọi người “ơ” lên, hưởng ứng. Lời văn sát từng giây, từng phút với sự sống. Thật là một cuộc liên hoan bằng văn, của những người gánh nặng đường dài, bước chạy lúp xúp mau mau, đồng thời vẽ những nét rồng rắn quanh co, như một điệu khiêu vũ của sự làm việc.

Ứng khẩu những câu thơ để hò, ví, hát là chuyện thông dụng lâu đời của dân chúng. Nhưng tôi thấy lối dô hò Nghệ Tĩnh hiện nay thật là mới, bởi vì nó thành một phong trào quần chúng. Nó rời mảnh đất Hồng Lam, lan đi các địa phương nước Việt được các nơi, vui nhất là được bộ đội lấy nó làm điệu của mình. Và theo sự nhận xét của tôi, thì lần đầu tiên dân công Thanh Hóa đã đem dùng nó một cách đại quy mô và đã sáng tác tập đoàn một số ca dao lớn chưa từng thấy.

Cuộc dân công này cũng cho ta một ví dụ về cái văn nghệ tự phát của nhân dân. Trước khi mở cuộc dân công, người ta lo đặt một số bài hát và ca dao, biết rằng việc to lớn này thể tất phải cần dùng văn nghệ. Nhưng đến khi đem lên trên đường, thì những câu hát và câu thơ kia hóa thành nghèo nàn, ít ỏi quá, như đưa vôi bát nước cho voi. May sao, voi không chờ đợi, voi tự làm lấy văn nghệ cho kịp, cho đủ. Ngày một, ngày hai, dân công thấy rằng điệu dô hò Nghệ Tĩnh là tiện hơn cả, và thi đua nhau làm những câu để hò. Thế là ca dao tiếp vận phát sinh.

Nó phát sinh vào lúc đang mùa thịnh ca dao. Đến năm kháng chiến thứ tư, thứ năm, những tình cảm kháng chiến đã chín, đã đầy, nhân dân làm ra hàng trăm, hàng nghìn câu mới. Ca dao tiếp vận lại được làm ra với ý thức của sự sáng tác, mỗi người dân công vừa đi vừa lẩm bẩm đặt câu cho kỳ được; sự sáng tác ấy rầm rộ, mê mải, tập trung trong một khoảng thời gian.

*
* *

Những câu hò làm vui cho mấy chục vạn dân công. Nó hay nhất, là lúc nó sinh ra tự óc người phát thanh sang miệng người. Lúc ấy nó nhuộm phong cảnh, nhuộm trường hợp, mọi người chờ đợi nó, nó có tác dụng ngay. Nó có thể sinh ra rồi bỏ mất, rồi quên đi, nhưng cả thực chất của nó đã hòa vào trong hành động. Nhiều câu văn chương không có gì hết, chỉ là một sự bất văn; nhưng câu thơ là một sinh vật cử động kia mà, nó chỉ đẹp lúc

sống, lúc hát, lúc hoan hô; ghi nó vào trong sổ, có khi nó thành những cái hoa ép giữa giấy. Và cũng rất nhiều câu văn chương giản dị, ý tứ vững vàng, đáng để vào trong tập chọn lọc ca dao kháng chiến.

Tôi nhớ mãi một đêm trăng xanh, tiếng hò của các chị dân công thanh thanh lạnh lạnh, lượn theo bờ sông máng nước xanh, cỏ xanh. Câu hò không có gì cao xa:

*Trên trời có đám mây xanh,
Em đi tiếp vận cho anh giết thù.*

Nhưng nó quẩn vào trong kỷ niệm với một cảm tưởng mát rượi. Mà dường như đoàn dân công cũng cảm xúc cái đêm sáng trăng ấy. Suốt một loạt trăng tháng giêng, tháng hai, là dân công chiếm lĩnh, rung chuông ở trong không khí bằng những câu hò.

Có những người ngủ đã dậy giấc, chợt giậy, thì nghe tiếng hò của dân công vẫn thức và đi suốt đêm.

Đồng bào đã bảo nhau: “Ai đi tiếp vận là con Cự Hồ”. Đồng bào lại nói:

*Ta là con cháu Cự Hồ
Nghe tin tiếp vận đàn bò đi ngay.*

Họ nhiệt thành đi làm nhiệm vụ dân công, họ không dung rằng có người khác lại trốn tránh, lấp liếm. Họ mĩa anh kia cái lưng thẳng đuột, qua lại ung dung:

*Người ta đầu đội vai mang,
Anh kia lưng thưng chân mang giúp thù.*

Họ không bằng lòng:

*Cô kia má đỏ hồng hồng,
Có mười lô thóc để chồng đi thay.*

Họ chế riều các bà thoái thác:

*Tiếp vận đã đến ngày mai,
Sao chị lại nói có thai, ở nhà?*

Có khi họ chinh một cách bóng bẩy, xa xôi:

*Cô kia đứng gốc cây bàng,
Hỏi thăm thằng Pháp đã hàng hay chưa?*

Đồng bào bêu riếu anh nói dối:

*Xã tôi có một anh cò
Đến phiên tiếp vận giả dò đau chân.*

Họ ghét thậm tệ những kẻ chỉ trông cậy vào đồng tiền:

*Giàu thì đội mũ bê rê
Đến phiên tiếp vận thì thuê bốn nghìn.*

Và kết lại một câu như câu chế riếu những người mù chữ:

*Nhiệm vụ tiếp vận rất cần
Ai mà trốn tránh là thân con bò.*

Trái lại, đồng bào khuyến khích những người cố gắng:

*Em vừa mười tám, đôi mươi,
Ra đi tiếp vận cho người giỏi giang.*

Họ giảng giải cho phụ nữ nghe:

*Muốn cho nam nữ bình quyền
Phải đi tiếp vận ra miền khu Ba.*

Lời khuyên có khi êm ái hữu tình:

*Ai về nhả'n nhủ cô nhiêu,
Xung phong vận tải chồng yêu xuất đời.*

Có những cảnh gia đình gương mẫu:

*Mẹ già cuốc đất trồng khoai.
Con đi tiếp vận cả hai vợ chồng.*

Có những ông chồng khoan khoái được người vợ tốt:

*Vợ anh sẵn sửa áo tiền
Để anh tiếp vận ra miền khu Ba.*

Những bà mẹ cho con bú một lần nữa để ra đi:

*Con ơi, con bú cho lâu,
Để mẹ tiếp vận bữa sau mẹ về.*

Các chị con gái công việc đồng áng vừa xong, đã tiếp sang nhiệm vụ mới:

*Lúa chiêm em đã cấy xong.
Còn như tiếp vận xung phong đi đầu.*

Một kiều bào trước bị đi O.N.S sang Pháp, nay trở về được phục vụ quê hương:

*Ngày xưa đi lính cho Tây,
Ngày nay gánh thóc dựng xây nước nhà.*

Các cụ già cũng không chịu ở lại:

*Tuổi già đã bảy mươi ba,
Có đi tiếp vận mới là lão quân.*

Thế là họ quang gánh, bò sọt ra đi, 15, 20 ki lô thóc hay gạo chính phủ ở hai đầu, cộng thêm cái nôi, cái chiếu, bộ quần áo và lương ăn; như xã Lĩnh Tráng từ xa đi, phải mang thêm đến 45 ống gạo (13 ki lô). Đây là cái lịch ngày tết của dân công:

*Mồng một ăn tết ở nhà,
Mồng hai đan sọt, mồng ba lên đường.
Mồng bốn tôi đi tải lương
Mồng năm tôi ngủ giữa rừng khu Ba.*

Anh em bần cố nông tả cái tết đi đường của mình không sơn phết gì cả:

*Đồng bào có bánh mừng xuân,
Anh em tiếp vận có đầm (đùm) muối rang.*

Khi nhân dân quần chúng mà đi với nhau thì trong cái thường nảy ra cái lạ: Họ đùa nghịch rất trẻ trung ô ạt; họ hơn cả “nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò”. Mỗi người đều có sáng kiến để đùa, để nói chuyện vui. Họ át cả những người đi lẻ, những kẻ đi thưa; họ chấp tất cả những chợ búa, những phố xá đông đúc; họ đến đâu là họ trị vì đến đó. Khi họ đỗ lại, đường phố là diễn đài của họ, họ hát xướng, reo hò. Quần chúng có cả cái thích rất lý thú là làm ồn cho vui; các anh thanh niên, các chị con gái thét khản cổ lên, cho thích. Mấy ông ngồi trong hiệu nói mảnh với nhau chê dân công “không phân biệt được cái bánh với cái kẹo thì biết thế nào được Tây dân chủ với Tây thực dân”; họ nói láo ngâm với nhau, kỳ thực họ sợ quần chúng đông đảo. Một anh trong nhà bước ra nhìn đoàn dân công, vẻ lơ láo. Cô gái quê làm anh choáng người:

*Anh trông chi đó, anh ngó chi đây
Vợ anh có đi tiếp vận mô đây mà nhòm?*

Một anh trai quần áo nâu cũng hò một câu băng quơ:

*Cô kia yếm trắng áo len,
Không đi tiếp vận cũng hèn lả'm thay!*

Cũng như mấy ông nhà đồ đặt câu lục bát phản đối sự tăng giá các hàng quà. Và dân công hát bao nhiêu là câu. Lúc lên vai tiếp tục đi, dù họ đã biết đường rồi, dân công cũng hò làm duyên:

*Đến đây xin hỏi đồng bào
Đường đi vận tải đường nào, chỉ cho*

Hoặc là các chị nhả'n gửi với một thôn xóm:

*Đồng bào cố gắ'ng tăng gia,
Chị em tiếp vận khu Ba sẽ về.*

Có khi hỏi đường như thế, gặp các anh đi dân công về, các anh ấy đáp:

*Cơm trắ'ng ăn với muối rang,
Chị em tiếp vận thẳng đàng mà lên.*

Một lần đoàn dân công vận tải đi ra, gặp đoàn dân công sửa đường đi lại. Đây là những anh tù ở Trại sản xuất số năm. Anh em đầu trọc gọn gàng, cầm tay một khẩu hiệu: “Quyết sửa đường, hướng chiến dịch liên khu Ba”. Một người đàn ghita cho mọi người hát. Họ đang sửa đường. Hai đoàn dân công gặp gỡ, như chào nhau, hiểu nhau, hưởng ứng nhau. Một chiếc xe bò của dân công sửa đường chở những xẻng cuốc, đang lên dốc một nhọc. Những người đẩy, bắ'p thịt chân, bắ'p thịt tay căng thẳng. Họ hát để lấy đà:

*Đắ'p đường cho lính ta đi,
Cho xe ta chạy, mau về thủ đô.*

Họ dứt câu, đoàn tiếp vận dô hò ủng hộ. Hai bên cười nói, rồi lướt qua nhau. Đồng bào tiếp vận còn hò:

*Chúng ta gánh thóc đầy kho,
Phen này giặc Pháp chết co trong thành.*

Một hôm khác, đoàn vận binh gặp những đồng bào Mường ở trong rừng ra, lụi cùi sửa đường. Các chị Mường tóc chít khăn trắng tinh, cầm những cái mai, đứng thẳng lưng đào những hố tránh máy bay. Hố các

chị đào rất tận tâm, một người nhảy xuống có thể lút đầu. Đoàn dân công hát:

*Đồng bào miền núi sửa đường,
Đồng bào dưới chợ tải lương đêm ngày.
Giết cho chết hết giặc Tây
Để cho dưới ấy trên này vui chung.*

Những nỗi dọc đường...

Các anh cán bộ đã từng trải những lúc dân công vui, vui phá trời, cũng như những lúc dân công cau có. Họ kỳ kèo các anh cán bộ, họ cầu nhàu về nỗi thiếu chỗ ngủ, về sự chờ đợi chậm trễ, có phải đi là đi luôn một mạch rồi về đâu, còn tã'c nghẽn, rên rỉ rành. Nhưng thật trong bụng, họ thường yêu cán bộ. Đường không khó đi cho lắm, chỉ có cái dài. Chỉ có khi mưa, khi nã'ng. Mưa thì:

*Trời mưa nước chảy ròng ròng
Anh em tiếp vận đi đông thê này.*

Nã'ng thì: “Nã'ng vàng vàng cả trên sông”... Nhưng:

*Đêm sương ngày nã'ng không cần
Anh em tiếp vận dần dần tiến lên.*

Đêm tối, dân công khuyên nhau:

*Trăm năm mới có một lần
Bước cao bước thấp ta lần ta đi.*

Anh cán bộ cũng thêm vào:

*Đồng bào cố gắ'ng đi cho,
Đi cho mau đến, đỡ kho ta về.*

Đồng bào vui lòng đi, nhưng cũng chửi cho thích miệng:

*Tổ cha tổ mẹ thằng Tây,
Vì bay choa phải ngủ ngày đi đêm.*

Và sáng ra họ kiểm điểm lại cuộc hành quân vừa rồi:

*Bây giờ mới thấy mặt trời,
Đêm qua đi mệt nhưng đời lại vui.*

Trong những câu hò, lâu lâu lại thoảng một ít thi vị như thế. Dân công tức cảnh bằng những câu thơ:

*Cây rừng đóng chum làm kiềng,
Nứa rừng làm đuốc đi đêm dễ dàng.
... Rét thì đã có củi rừng
Mưa thì đã có chiếu thùng căng lên.*

Họ tự hào về con đường kín đáo của họ, tàu bay cũng chịu thua:

*Khen ai khéo họa địa đồ
Khéo đặt đường vận tải ở mô trong rừng.*

Những câu hò càng ngày càng làm nhiều, càng thuộc nhiều. Nhất là lên dốc, xuống dốc, những lúc nhọc mệt lại càng hò. Và có phụ nữ cất tiếng, thì các thanh niên nhất định họa lại.

Có những người chủ quan hay cậy tài, câu trên mới nghĩ ra, đã vội cất tiếng lên hát, xuống đến câu dưới, chưa tìm ra được vần, loay hoay như con gà bị vướng chân vào giây; nhưng vấp một chút, rồi cũng vượt được, làm anh chị em đồng đội cười ồ lên. Có những anh chị nam nữ ghen nhau tiếng gáy, hay kháy nhau vì lời vắn. Câu hát đơn chuyển ra thành đối đáp. Phụ nữ xúm nhau, đàn ông cũng tụ lại thành nhóm; bên đông lửa nhuộm hồng một khoảng đêm, nhấp nhô kẻ đứng người ngồi; các chị thu tay vào áo, các anh ngước mặt lên trời tìm câu; các nhóm bàn nhỏ với nhau, trừ tỉnh nước rồi mới hát. Xung quanh công chúng dân công sẵn sàng

khuyến khích. Công chúng khôn khéo như người chụm lửa, làm thế nào cho cuộc thi hát được dài.

Có nhiều câu chuyện vui.

Một anh thanh niên gánh thóc đi qua cánh ruộng xanh, có mấy cô làm việc dưới đồng. Anh hát:

*Hỡi cô thả't giải lưng xanh,
Lên đây gánh hộ cho anh quăng đường.*

Tưởng câu đùa ghẹo như thế là trôi. Không ngờ chị thả't lưng xanh ngừng tay nhỏ cỏ, đáp lại:

*Thấy anh gánh nặng cũng thương,
Nhưng còn bộ đội sa trường thì sao?*

Các anh, các chị trong đoàn cũng trên nhau chán. Một chị ngang nhiên cất tiếng:

*Gánh nặng mà đi đường dài,
Ai mà gánh đỡ một vai nên chồng.*

Chẳng có anh nào nghĩ kịp câu trả lời. Nhưng trong thực tế, cuộc dân công đã giúp cho nhiều đôi lứa quen thuộc nhau, và mở đường cho nhiều đám cưới.

Một anh cao hứng hát một câu:

*Nước nhà đang buổi chiến tranh,
Chị em yếm trắng khăn xanh làm gì?*

Các chị thấy đàn ông phê bình mình nghiêm ngặt như thế, trả đũa lại, mà lại trả ngay bằng một câu sáng tác kịp thời:

*Tiếp vận đã bấy lâu nay,
Sao anh vẫn diện đôi giày săng đan?*

Nhưng phía đàn ông cũng không chịu thua, nhấn mũi vào cái yếm trắng:

*Rõ ràng tôi chẳng nói điều,
Chị mặc yếm trắng làm mục tiêu cho quân
thù!*

Đoàn người vui vẻ hô lên, mọi người cười âm âm các chị bảo nhau sẽ phản công một lần khác.

Chị em phụ nữ kỳ này đi tiếp vận, nhận thấy mặc quần là tiện lợi: Những lúc có máy bay giặc, các chị mặc váy không chạy mau được, và té ngã rất lòi thoi. Vả lại mặc quần cũng hợp thời trang hơn nữa; thế cho nên nhiều chị ra đi cố mượn cho được cái quần. Một lần kia tiếng phi cơ vừa hết đoàn người chỉnh đốn lại hàng ngũ, vừa mới tiếp tục đi, thì đã thấy tiếng hò của một anh trai:

*Tàu bay giặc bắn ù ù,
Yêu cầu phụ nữ bỏ dù đi thôi!*

Không ngờ anh ta lại tức cảnh chổng như thế. Một chị đành phải hò lại một câu cũ để đánh trống lảng:

*Hôm qua em mất cái váy thâm,
Sớm nay lại gặp anh cầm ô đen.*

Dù sao, câu trống lảng cũng cứu vãn được tình thế. Vả lại, các chị có thẹn thùng theo lối phong kiến nữa đâu. Có những đoàn phụ nữ mặc quần cụt, gánh thóc chạy phăng phăng, đàn ông có kiếm chuyện đùa, thì các chị hát:

*Còn trời, còn nước, còn non,
Còn lúa Chính phủ, em còn cứ đi!*

Con đường dài của dân công có đoạn huyền thiên, có đoạn lìn lịt. Có đoạn hò nhỏ quá, rời rạc. Một anh cán bộ liền hát:

*Đã hò thì hò cho to,
Đã đi tiếp vận, không lo quá gì.*

Nhưng anh ta hăng vào lúc đồng bào mệt, hoặc là không chú ý; anh hò tiếp theo một câu đồng viên nữa, chẳng có ai hưởng ứng, bị rơi tõm. Anh nhanh trí ứng khẩu ngay:

*Thế thì thôi, thế thì thôi,
Đồng bào không thích, thì tôi nhờ tàu!*

Lần này, đồng bào dô hò rất đông, và khoái trá cười ầm ỹ.

Anh em dân công đến một cái nhà Mường, cử một đại biểu lên ngoại giao với hai cụ chủ nhà.

Nhà chủ muốn chối từ, sợ dân công đông quá. Trong lúc anh đại biểu đang vận động, và hai ông bà cụ còn dè dặt, thì anh em dưới này hò lên:

*Cụ ông bàn với cụ bà,
Cho anh em tiếp vận ngủ nhờ một đêm.*

Trên nhà sàn nghe thấy thế, hai cụ chủ nhà cười, và mời anh em lên ngủ.

*

* *

Dân công có một mối tin tưởng tươi sáng không cùng. Nhiều khi mưa, dốc trơn như mỡ, đường lầy lội, chân bước trên đất choãi đi, người và gánh lầy lư như say sóng, cộng thêm với cái mệt đường xa. Dân công tiếp vận hò lên một câu:

*Tiếp té khổ sở thế này,
Bao giờ độc lập đến ngày vinh quang?*

Dân công hỏi rồi dân công trả lời:

*Anh em gánh gạo nuôi quân
Ngày mai hưởng một mùa xuân tưng bừng.*

Và dân công có thể đồng dạ tuyên bố rằng:

*Mặc dù gánh nặng đau vai
Anh em toàn xã chẳng ai phàn nàn.*

Không những thế, lúc gánh gánh chạy hăng thường nảy ra cái vui của sự làm việc, thêm với cái vui có chúng có bạn, đông đảo hợp quần. Dân công thích thú lắm, nên có những câu ứng khẩu không đâu. Một ông há rộng mồm lên ánh đuốc, hai hàm răng đen thật tươi:

*Anh đi tiếp vận nơi xa,
Còn con mẹ hĩm la cà ở đâu?*

Cũng như một chị đưa tay sửa lại cái khăn mỏ quạ trên đầu, hát đóng đả:

*Cơm trăn'ng ăn với muối vừng
Lấy vợ tiếp vận xin đừng chê đen!*

Và dân công khoái trá hát:

*Tiếp vận sung sướng thế này,
Không đi lại nhớ bánh dày khu Ba.*

Mà sung sướng thật! Những khi lấy mo bịt miệng nồi đồng, đánh trống hát chèo, hát tuồng, thi nhau gảy tất cả các điệu; những khi đoàn âm nhạc đón giữa rừng, đánh điệu rum ba, dân công không biết khiêu vũ, nhưng hai chân thích chí cứ nhảy bừa; những lúc lửa đỏ, nứa nổ, người vui, dân công nói với nhau:

- Làm thượng thư không thích bằng đi tiếp vận.

Huyện Quảng Xương có làm ca dao rằng:

*Đường trường xa cách bao la,
Trèo non lội suối gánh ra Hòa Bình.
Bao nhiêu gian khổ công trình,
Nhiệm vụ tiếp vận của mình chớ quên
Reo hò ca hát tiến lên
Làm cho vui thú để quên đường dài.*

Dân công có ý thức về tác dụng của bài hát, bài đàn; họ rất mến yêu đoàn công tác văn nghệ, và hiểu:

*Âm nhạc đánh giặc bằng đàn
Chúng tôi lấy sức đánh tan quân thù.*

Cũng như trong câu hò, dân công thường nhắc đến bộ đội. Dân công đã nói: “Được tin tiếp vận khổng lồ”. Mà khổng lồ thật! Họ biết mồ hôi nước mắt của họ, xương máu của họ đưa lên trên đường vận tải, cho nên không tự phụ, tự kiêu mà nói rất tự nhiên:

*Một bên trực tiếp chiến tràng,
Một bên tiếp vận, hai đàng bằng nhau.*

Và trong sự gắng gỏi của đồng bào, có một cái gì vững vàng chắc chắn lắm. “Lấy cái không biến ứng với muôn cái biến”: . Cái không biến, đó là bức thành nhân dân. Cho nên nhiều câu hò toát ra một sự ung dung tin ở sức mình:

*Đường dài thì mặc đường dài
Anh em tiếp vận khoan thai tiến dần...
... Tàu bay thì mặc tàu bay,
Ban đêm đi suốt, ban ngày nghỉ chơi.*

Cho nên các chị phụ nữ mà ta có thể nêu lên để đại diện cho cả lòng sốt sắng dẻo dai của dân công, các chị hện hò:

*Mẹ già cố gắ'ng tăng gia,
Để con tiếp vận thêm ba bốn lần...
... Đường đi xa lă'c lại gần,
Em đi tiếp vận mười lần cũng đi.*

*
* *

Trên đường về cơ quan, trong trí tôi còn reo hát những câu hò. “Tiếng ai như tiếng chuông đồng. Tiếng ai như tiếng dân công tỉnh nhà”. Lời văn giọng hát, và nhất là cái không khí bừng bừng đã thúc giục cho mọi người để ra văn nghệ, luôn luôn vang ở trong tôi.

Tôi đi trở về viết bài, nhưng dân công vẫn tiếp tục ra đi trong một tháng nữa. Tối hôm ấy, tôi vào trong một cái quán giữa đường rừng. Một xã của huyện Vĩnh Lộc đi chuyến này là chuyến thứ tư, và đã chuyển sang vận tải muối. Tôi nói đến những câu hò, thì dân công mắt sáng lên như nghe nói đến những đứa con đẻ của họ. Trên cái bàn mộc mạc, cạnh những tảng đường đen, bát nước chè tươi thơm mùi khoai luộc, cây nến bằng nhựa trám cuốn trong lá rừng và cắm trong ống đũa, tỏa một ánh sáng đỏ ấm áp ôm lấy chúng tôi. Các ông da ngăm, các anh mặt răn' rỏi kể lại và khen các chị phụ nữ Hoàng Hóa, Hậu Lộc đặt câu hò rất giỏi. Một anh đội mũ trắng thấy tôi đọc câu “Đồng bào miền núi sửa đường”, thì mách cho tôi thêm một câu nữa:

*Muốn cho chồng chợ vợ Mường,
Để cho tiếp vận lấy đường ngược xuôi.*

Xa xa, từ một ngoạo núi, trời đã tối rồi, mà còn đưa sang tiếng hò của dân công tiếp vận sắp sửa tới đây. Bà quán hiền từ cũng phẩm bình:

- Các anh ấy hò hay thật cơ. Nghe cứ âm ầm thế này.

Anh chỉ huy của cả đoàn rút túi lấy ra cuốn sổ. Anh cặm cùi chép, chép, theo những câu tôi đọc lại. Đi dân công về, anh sẽ lại tiếp tục giậy bình dân. Trán anh sáng một ánh tinh thần. Những câu hò hay như thế, chính trị như thế, tâm lý như thế, và tức cảnh như thế, anh phải ghi lại để:

- Tôi phải chép mới được, để về truyền bá trong lớp học bình dân.

Thanh Hóa, 3-1951